CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

Quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng

Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 32/2025/TT-BCT ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 6 năm 2025.

2. Thông tư số 66/2025/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 12 năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu,

Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng. [1]

---

[1] Thông tư số 32/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 56/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện, đầu tư xây dựng dự án điện lực và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án kinh doanh điện lực;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điện lực;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng.".

Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Điện lực số 61/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2025/NĐ-CP và Nghị định số 225/2025/NĐ-CP;

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định:

1.[2] Chi tiết khoản 2 Điều 49 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất về tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương đối với dự án đầu tư kinh doanh điện lực[3] được sửa đổi tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 56/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện, đầu tư xây dựng dự án điện lực và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án kinh doanh điện lực.

2. Chi tiết điểm m khoản 1 Điều 47 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP về tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật trong đánh giá phương án đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh điện lực[4].

3. Mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh điện lực[5].

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Căn cứ Nghị định số 56/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện, đầu tư xây dựng dự án điện lực và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án kinh doanh điện lực, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 100/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điện lực;"

[2] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 32/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 6 năm 2025.

[3] Cụm từ "dự án đầu tư công trình năng lượng" được thay thế bằng cụm từ "dự án đầu tư kinh doanh điện lực" theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[4] Cụm từ "dự án đầu tư công trình năng lượng" được thay thế bằng cụm từ "dự án đầu tư kinh doanh điện lực" theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[5] Cụm từ "dự án đầu tư công trình năng lượng" được thay thế bằng cụm từ "dự án đầu tư kinh doanh điện lực" theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

1.[6] Tổ chức, cá nhân liên quan đến việc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án được quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 56/2025/NĐ-CP.

2. Tổ chức, cá nhân có hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh điện lực[7] không thuộc đối tượng áp dụng quy định tại khoản 1 Điều này được chọn áp dụng Thông tư này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Theo Thông tư này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. *Bên mua điện* là Tập đoàn Điện lực Việt Nam (hoặc đơn vị đại diện theo phân cấp, ủy quyền), Tổng công ty Điện lực miền Bắc, Tổng công ty Điện lực miền Trung, Tổng công ty Điện lực miền Nam, Tổng công ty Điện lực Thành phố Hà Nội, Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh.

2.[8] *Bên mời quan tâm* là cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cơ quan, đơn vị trực thuộc Ban Quản lý khu kinh tế (đối với dự án thực hiện tại khu kinh tế); Ủy ban nhân dân cấp xã được giao thực hiện thủ tục mời quan tâm.

3.[9] *(được bãi bỏ).*

4.[10] *Cơ quan quyết định tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư* gồm Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế.

Điều 4. Lập thông báo mời quan tâm, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời

---

[6] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 32/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 6 năm 2025.

[7] Cụm từ "dự án đầu tư công trình năng lượng" được thay thế bằng cụm từ "dự án đầu tư kinh doanh điện lực" theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[8] Khoản này đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 32/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, nay được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[9] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[10] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 1 Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

thầu dự án đầu tư kinh doanh điện lực[11]

1. Thông báo mời quan tâm, hồ sơ mời quan tâm được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

2. Hồ sơ mời thầu được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này đối với dự án áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ và hai giai đoạn một túi hồ sơ bảo đảm tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023 và Nghị định số 115/2024/NĐ-CP.

2a.[12] Đối với dự án áp dụng quy trình chỉ định nhà đầu tư rút gọn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 44d Nghị định số 115/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 18 Điều 2 Nghị định số 225/2025/NĐ-CP, yêu cầu về năng lực, hiệu quả đầu tư phát triển ngành điện trên cơ sở nội dung quy định tại Phụ lục III kèm theo Thông tư này.

3.[13] Dự thảo hợp đồng mua bán điện trong hồ sơ mời thầu được lập trên cơ sở các nội dung chính của hợp đồng mua bán điện tương ứng loại hình nhà máy điện do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành.

4.[14] Trong các Phụ lục I, II và III kèm theo Thông tư này, nội dung in nghiêng có mục đích hướng dẫn, minh họa và được cụ thể hóa tại hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trên cơ sở quy mô, tính chất và điều kiện riêng (nếu có) của từng dự án.

5.[15] *(được bãi bỏ)*.

---

[11] Cụm từ "dự án đầu tư công trình năng lượng" được thay thế bằng cụm từ "dự án đầu tư kinh doanh điện lực" theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[12] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[13] Khoản này đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 32/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, nay được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[14] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[15] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa

Chương II
TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU

Điều 5. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật phương án đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư

1. Theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 47 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP.

2. Các tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật khác:

a) Yêu cầu về sự phù hợp của phương án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (gồm vị trí công trình, quy mô, tiến độ, sơ đồ tổ chức không gian, phân kỳ đầu tư xây dựng công trình và các thông số kỹ thuật chính) với quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản phê duyệt dự án đầu tư có sử dụng đất đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.

b) Yêu cầu về sự phù hợp đối với các thông số cơ bản của nhà máy điện theo từng loại hình nhà máy.

Điều 6. Tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả đầu tư phát triển ngành điện[16]

1. Đối với dự án đầu tư kinh doanh điện lực có khung giá do Bộ Công Thương ban hành, tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả phát triển ngành điện là giá điện và được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 56/2025/NĐ-CP.

2. Đối với dự án đầu tư kinh doanh điện lực không có khung giá do Bộ Công Thương ban hành, tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả phát triển ngành điện là giá trị tối thiểu bằng tiền nộp ngân sách nhà nước hằng năm và được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 56/2025/NĐ-CP.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN[17]

---

chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[16] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 32/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 6 năm 2025.

[17] Điều 2 của Thông tư số 32/2025/TT-BCT ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 6 năm 2025 quy định như sau:

"*Điều 2. Điều khoản thi hành*

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

2. Đối với các dự án đang thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh thì thực hiện như sau:

a) Trường hợp đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa phát hành hồ sơ mời thầu thì phải lập hồ sơ mời thầu theo quy định tại Thông tư này;

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp dự án đầu tư công trình năng lượng chưa phát hành hồ sơ mời thầu hoặc đã phát hành hồ sơ mời thầu nhưng chưa đóng thầu thì phải lập hồ sơ mời thầu theo quy định tại Thông tư này.

2. Dự án đầu tư công trình năng lượng đã đóng thầu nhưng đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thì tiếp tục đánh giá hồ sơ dự thầu trên cơ sở hồ sơ mời thầu đã phát hành.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc liên quan đến nội dung về quy định tại Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan gửi ý kiến về Bộ Công Thương để kịp thời xem xét, hướng dẫn./.

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 01 /VBHN-BCT

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Website Bộ Công Thương;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế (để đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về quản lý văn bản);
- Lưu: VT, ĐL.

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2026

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Long

---

b) Trường hợp đã phát hành hồ sơ mời thầu theo quy định tại Thông tư số 27/2024/TT-BCT nhưng đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thì thực hiện như sau: nếu đã nhận được hồ sơ dự thầu thì tiếp tục đánh giá hồ sơ dự thầu trên cơ sở hồ sơ mời thầu đã phát hành; nếu chưa nhận được hồ sơ dự thầu thì cơ quan quyết định tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư được gia hạn thời điểm đóng thầu và chỉnh sửa hồ sơ mời thầu theo quy định của Thông tư này./.".

Điều 2 của Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026 quy định như sau:

"***Điều 2. Điều khoản thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

2. Đối với các dự án đã phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu nhưng đến thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành chưa phát hành thì bên mời quan tâm, bên mời thầu, bên yêu cầu rà soát, cập nhật hồ sơ, báo cáo người có thẩm quyền phê duyệt sửa đổi theo quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 115/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 225/2025/NĐ-CP và Thông tư này.

3. Kể từ ngày Nghị định số 225/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành đến trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, dự án đã phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu tuân thủ quy định tại Luật đấu thầu, Nghị định số 115/2024/NĐ-CP, Nghị định số 225/2025/NĐ-CP thì thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đã phát hành./."

Phụ lục I[18]

MẪU THÔNG BÁO MỜI QUAN TÂM, HỒ SƠ MỜI QUAN TÂM DỰ ÁN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC[19]

(Kèm theo Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Phụ lục này bao gồm:

1. Mẫu Thông báo mời quan tâm
2. Mẫu Hồ sơ mời quan tâm

---

[18] Một số nội dung của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 27/2024/TT-BCT đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 32/2025/TT-BCT, nay được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[19] Cụm từ "dự án đầu tư công trình năng lượng" được thay thế bằng cụm từ "dự án đầu tư kinh doanh điện lực" theo quy định tại khoản 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

1. Mẫu Thông báo mời quan tâm

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm ___

Kính gửi: Các nhà đầu tư quan tâm

_____ *[ghi tên Bên mời quan tâm]* mời các nhà đầu tư quan tâm nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án _____ *[ghi tên dự án theo quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản phê duyệt dự án đầu tư có sử dụng đất đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư]* với các thông tin như sau:

1. Tên dự án; mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư của dự án: _____

2. Tổng vốn đầu tư của dự án: _____

- Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án: _____

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có):_____

3. Địa điểm thực hiện dự án: _____

4. Mục đích sử dụng đất; Hiện trạng sử dụng đất:

5. Diện tích khu đất thực hiện dự án: _____

6. Các chỉ tiêu quy hoạch: _____

7. Thời hạn, tiến độ thực hiện dự án; sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có); tiến độ thực hiện dự án theo từng giai đoạn (nếu có): _____

8.[20] Thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án:

[ghi thời điểm (ngày, giờ) cụ thể, nhưng phải bảo đảm tối thiểu là 20 ngày, kể từ ngày đầu tiên phát hành HSMQT đến ngày có thời điểm đóng thầu.]

9. Thông tin liên hệ:

- _____ *[ghi tên Bên mời quan tâm]*

- Địa chỉ: _____

- Số điện thoại: _____

- Số fax:_____

[20] Mục 8 của Mẫu Thông báo mời quan tâm được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

10. Nhà đầu tư quan tâm, có nhu cầu đăng ký thực hiện dự án phải thực hiện các thủ tục để được cấp chứng thư số và nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Đại diện của Bên mời quan tâm
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

2. Mẫu Hồ sơ mời quan tâm

HỒ SƠ MỜI QUAN TÂM

Tên dự án: _____

[ghi tên dự án theo quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản phê duyệt dự án đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư]

Phát hành ngày: _____

[ghi ngày bắt đầu phát hành hồ sơ mời quan tâm cho nhà đầu tư]

Ban hành kèm theo Quyết định: _____

[ghi số và ngày quyết định phê duyệt hồ sơ mời quan tâm]

Tư vấn lập hồ sơ mời quan tâm (nếu có)	**Bên mời quan tâm**
[ghi tên, ký tên, đóng dấu (nếu có)]	*[ghi tên, ký tên, đóng dấu (nếu có)]*

MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT **5**
TỪ NGỮ VIẾT TẮT **7**
PHẦN 1. THỦ TỤC MỜI QUAN TÂM **8**
Chương 1. Chỉ dẫn nhà đầu tư 8
Chương 2. Đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án 20
Chương 3. Biểu mẫu dự quan tâm 24
PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN **37**

MÔ TẢ TÓM TẮT

PHẦN 1. THỦ TỤC MỜI QUAN TÂM

Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ đăng ký thực hiện dự án. Thông tin gồm quy định về việc chuẩn bị, nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, mở thầu, đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

Chương II. Đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án

Chương này gồm quy định về phương pháp và tiêu chuẩn để đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

Chương III. Biểu mẫu dự quan tâm

Chương này gồm quy định về các biểu mẫu mà nhà đầu tư sẽ phải hoàn chỉnh để tạo thành một phần nội dung của hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN

Bên mời quan tâm căn cứ nội dung quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư để xác định yêu cầu thực hiện dự án.

TỪ NGỮ VIẾT TẮT[21]

CDNĐT	Chỉ dẫn nhà đầu tư
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
HSĐKTHDA	Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án
HSMQT	Hồ sơ mời quan tâm
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15.
Nghị định số 115/2024/NĐ-CP	Nghị định số 115/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2025/NĐ-CP và Nghị định số 225/2025/NĐ-CP.

[21] Bảng từ ngữ viết tắt được thay thế theo quy định tại khoản 2 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

PHẦN 1. THỦ TỤC MỜI QUAN TÂM

CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ ĐẦU TƯ

Mục 1. Nội dung mời quan tâm

1.1. _____ *[ghi tên Bên mời quan tâm]* mời nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án _____ *[ghi tên dự án theo quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án đầu tư có sử dụng đất đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư]*.

1.2. Thông tin về dự án:

Căn cứ nội dung theo quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án đầu tư có sử dụng đất đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, Bên mời quan tâm tóm tắt thông tin về dự án, bao gồm:

1. Tên dự án; mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư của dự án: _____

2. Tổng vốn đầu tư của dự án: _____

- Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án: _____

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có):_____

3. Địa điểm thực hiện dự án: _____

4. Mục đích sử dụng đất; hiện trạng sử dụng đất:

5. Diện tích khu đất thực hiện dự án: _____

6. Các chỉ tiêu quy hoạch: _____

7. Thời hạn, tiến độ thực hiện dự án; sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có); tiến độ thực hiện dự án theo từng giai đoạn (nếu có): _____

8.[22] Thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án:

[ghi thời điểm (ngày, giờ) cụ thể, nhưng phải bảo đảm tối thiểu là 20 ngày kể từ ngày đầu tiên phát hành HSMQT đến ngày có thời điểm đóng thầu.]

Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

Hành vi bị cấm trong đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư gồm các hành vi theo quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà đầu tư

---

[22] Nội dung này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Nhà đầu tư độc lập hoặc từng thành viên liên danh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

3.1.[23] Đối với nhà đầu tư trong nước: là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và tổ chức khác đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với nhà đầu tư nước ngoài: có đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài;

3.2. Hạch toán tài chính độc lập;

3.3. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;

3.4. Có tên trên Hệ thống trước khi phê duyệt kết quả mời quan tâm;

3.5. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 6 của Luật Đấu thầu và Điều 5 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP, thông tin về các nhà thầu tư vấn như sau:

- Tư vấn lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với dự án đầu tư có sử dụng đất thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, nếu có): ___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn [(1)];*

- Tư vấn lập hồ sơ đề xuất dự án (đối với dự án đầu tư có sử dụng đất không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn][(1)];*

- Tư vấn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi trước khi tổ chức mời quan tâm (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn][(1)];*

[(1)]: Nội dung này không áp dụng đối với dự án do nhà đầu tư đề xuất. Trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất, Bên mời quan tâm bỏ nội dung này khi lập HSMQT.

- Tư vấn lập HSMQT (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn];*

- Tư vấn đánh giá HSĐKTHDA (nếu có): ___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]*.

3.6. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của

---

[23] Mục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

người có thẩm quyền, Bộ trưởng Bộ Công Thương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật Đấu thầu.

3.7. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3.8. Thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất, cho thuê đất và đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Mục 4. Nội dung HSMQT

4.1. HSMQT gồm có Phần 1, Phần 2 và các tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMQT (nếu có) theo quy định tại Mục 7 CDNĐT, trong đó gồm các nội dung sau đây:

a) Phần 1. Thủ tục mời quan tâm

- Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư

- Chương II. Đánh giá HSĐKTHDA

- Chương III. Biểu mẫu dự quan tâm

b) Phần 2. Yêu cầu thực hiện dự án

4.2. Thông báo mời quan tâm do bên mời quan tâm phát hành chỉ có tính chất thông báo, không phải là một phần của HSMQT.

4.3. Bên mời quan tâm không chịu trách nhiệm về tính không chính xác, không hoàn chỉnh của HSMQT, tài liệu giải thích làm rõ HSMQT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có), các tài liệu sửa đổi HSMQT không do bên mời quan tâm cung cấp.

4.4. Nhà đầu tư phải nghiên cứu tất cả thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu dự quan tâm, yêu cầu thực hiện dự án và các yêu cầu khác trong HSMQT để chuẩn bị HSĐKTHDA.

Mục 5. Tiêu chuẩn đánh giá sơ bộ về năng lực [24] của nhà đầu tư

Tiêu chuẩn sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư bao gồm:

5.1. Yêu cầu vốn chủ sở hữu.

5.2.[25] *(được bãi bỏ)*

---

[24] Cụm từ "kinh nghiệm" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[25] Mục này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 6 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu

Mục 6. Làm rõ HSMQT

6.1. Trường hợp cần làm rõ HSMQT, nhà đầu tư gửi đề nghị làm rõ đến bên mời quan tâm trên Hệ thống tối thiểu ___ ngày *[ghi số ngày cụ thể nhưng tối thiểu 05 ngày làm việc]* trước ngày hết hạn nộp HSĐKTHDA.

6.2. Sau khi nhận được văn bản đề nghị làm rõ theo thời gian quy định, ___ *[ghi tên Bên mời quan tâm]* tiến hành làm rõ và đăng tải văn bản làm rõ hồ sơ mời quan tâm trên Hệ thống tối thiểu ___ ngày *[ghi số ngày cụ thể nhưng tối thiểu 02 ngày làm việc]* trước ngày hết hạn nộp HSĐKTHDA.

6.3. Nội dung làm rõ HSMQT không được trái với nội dung của HSMQT đã được đăng tải trên Hệ thống. Trường hợp sau khi làm rõ HSMQT dẫn đến phải sửa đổi HSMQT thì việc sửa đổi HSMQT thực hiện theo quy định tại Mục 7 CDNĐT.

6.4. Văn bản làm rõ hồ sơ mời quan tâm là một phần của HSMQT.

Mục 7. Sửa đổi HSMQT; gia hạn thời gian nộp HSĐKTHDA

7.1. Trường hợp sửa đổi HSMQT sau khi phát hành, bên mời quan tâm phải đăng tải các tài liệu sau đây trên Hệ thống, gồm: Quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi HSMQT, HSMQT đã được sửa đổi. Quyết định sửa đổi HSMQT là một phần của HSMQT. Nhà đầu tư có trách nhiệm thường xuyên truy cập vào Hệ thống để cập nhật các thông tin về HSMQT.

7.2. Thời gian đăng tải quyết định sửa đổi HSMQT tối thiểu ___ ngày trước ngày hết hạn nộp HSĐKTHDA *[ghi số ngày cụ thể nhưng tối thiểu 10 ngày]*. Trường hợp thời gian đăng tải quyết định HSMQT không đáp ứng theo quy định tại Mục này thì bên mời quan tâm phải thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng bảo đảm quy định về thời gian tại Mục này. Việc gia hạn được thực hiện theo quy định tại Mục 7.3 CDNĐT.

7.3. Trường hợp cần gia hạn thời gian nộp HSĐKTHDA, bên mời quan tâm đăng tải thông báo gia hạn kèm theo quyết định phê duyệt gia hạn trên Hệ thống. Thông báo gia hạn gồm lý do gia hạn, thời điểm đóng thầu mới.

Mục 8. Chi phí dự quan tâm

Nhà đầu tư chịu các chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSĐKTHDA. Trong mọi trường hợp, bên mời quan tâm không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc dự quan tâm của nhà đầu tư.

Mục 9. Ngôn ngữ của HSĐKTHDA

---

hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[Căn cứ hình thức lựa chọn nhà đầu tư, ghi rõ ngôn ngữ của HSĐKTHDA:

- Đối với mời quan tâm quốc tế:

HSĐKTHDA, các thư từ và tài liệu liên quan đến HSĐKTHDA trao đổi giữa nhà đầu tư với bên mời quan tâm được viết bằng*:_____ [Trường hợp HSMQT được viết bằng tiếng Anh thì ghi "Tiếng Anh"; HSMQT được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi "Nhà đầu tư có thể lựa chọn tiếng Anh hoặc tiếng Việt để lập HSĐKTHDA".*

Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSĐKTHDA có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang*: _____ [Trường hợp HSMQT được viết bằng tiếng Anh thì ghi "Tiếng Anh"; HSMQT được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi "Nhà đầu tư có thể lựa chọn tiếng Anh hoặc tiếng Việt để lập HSĐKTHDA"].* Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời quan tâm có thể yêu cầu nhà đầu tư gửi bổ sung.

- Đối với mời quan tâm trong nước:

HSĐKTHDA, thư từ và tài liệu liên quan đến HSĐKTHDA trao đổi giữa nhà đầu tư với bên mời quan tâm được viết bằng tiếng Việt.

Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSĐKTHDA có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời quan tâm có thể yêu cầu nhà đầu tư gửi bổ sung.

Mục 10. HSĐKTHDA và thời hạn nộp

10.1. HSĐKTHDA do nhà đầu tư chuẩn bị phải gồm các thành phần sau đây:

a) Văn bản đăng ký thực hiện dự án theo quy định tại Mục 13 CDNĐT;

b) Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký văn bản đăng ký thực hiện dự án theo quy định tại Mục 13 CDNĐT;

c) Biểu mẫu dự quan tâm;

d) Nội dung khác _____ *[ghi cụ thể các nội dung cần thiết khác của HSĐKTHDA ngoài các nội dung quy định tại các điểm a, b và c Mục này trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất của dự án và không làm hạn chế dự quan tâm của nhà đầu tư. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là "không áp dụng"].*

10.2.[26] Nhà đầu tư nộp HSĐKTHDA trên Hệ thống trước___ giờ, ngày ___ tháng ___ năm___ *[ghi thời điểm hết hạn nộp HSĐKTHDA, bảo đảm tối thiểu là 20 ngày kể từ ngày đầu tiên phát hành HSMQT đến ngày có thời điểm đóng thầu].”*.

Mục 11. Đồng tiền dùng để đánh giá

Đồng tiền dùng để đánh giá: ___ *[ghi cụ thể 01 loại đồng tiền]*.

[11.1. Đối với mời quan tâm trong nước thì ghi là: “Đồng Việt Nam”.

*11.2. Đối với mời quan tâm quốc tế ghi là: “*Khi đánh giá HSĐKTHDA phải quy đổi về 01 loại tiền tệ; trường hợp trong số các đồng tiền đó có Đồng Việt Nam thì phải quy đổi về Đồng Việt Nam; trường hợp trong số các đồng tiền không có Đồng Việt Nam thì phải quy định về đồng tiền quy đổi, thời điểm và căn cứ xác định tỷ giá quy đổi như sau:

a) Đồng tiền quy đổi là: ___ *[ghi đồng tiền quy đổi dùng để đánh giá]*.

b) Thời điểm xác định tỷ giá quy đổi là:___ *[ghi thời điểm xác định tỷ giá quy đổi]*.

c) Căn cứ xác định tỷ giá quy đổi:____ *[ghi cách tính tỷ giá chéo (tỷ giá mua vào, bán ra của một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam)]”*.

Mục 12. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực [27] của nhà đầu tư

12.1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư gồm:

a) Đối với nhà đầu tư độc lập, phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như sau:

Bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với nhà đầu tư trong nước; tài liệu chứng minh đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài đối với nhà đầu tư nước ngoài.

---

[26] Mục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[27] Cụm từ “và kinh nghiệm” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

b) Đối với nhà đầu tư liên danh, phải cung cấp các tài liệu sau đây:

- Các tài liệu nêu tại điểm a Mục này đối với từng thành viên liên danh;

- Văn bản thỏa thuận liên danh giữa các thành viên theo Mẫu số 03 tại Chương III – Biểu mẫu dự quan tâm.

12.2. Tài liệu chứng minh năng lực [28] của nhà đầu tư gồm:

a) Năng lực [29] của nhà đầu tư được kê khai theo các Mẫu tại Chương III – Biểu mẫu dự quan tâm. Trường hợp đồng tiền nêu trong các tài liệu chứng minh năng lực, [30] không phải đồng tiền theo quy định tại Mục 11 Chương này thì khi lập HSĐKTHDA, nhà đầu tư phải quy đổi về đồng tiền tương ứng theo quy định tại Mục 11 Chương này để làm cơ sở đánh giá HSĐKTHDA; trường hợp không có tỷ giá trực tiếp giữa các loại đồng tiền này thì nhà đầu tư sử dụng đồng tiền quy đổi theo quy định tại Mục 11 Chương này để làm cơ sở quy đổi và kê khai trong HSĐKTHDA.

b) Nhà đầu tư phải nộp cùng với HSĐKTHDA các tài liệu sau đây:___ *[ghi cụ thể các nội dung cần thiết khác của HSĐKTHDA ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Mục này trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất của dự án và không làm hạn chế sự tham dự quan tâm của nhà đầu tư. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là "không áp dụng"].*

Mục 13. Văn bản đăng ký thực hiện dự án

13.1. Đối với nhà đầu tư độc lập, văn bản đăng ký thực hiện dự án phải được chuẩn bị theo Mẫu số 01 tại Chương III – Biểu mẫu dự quan tâm, được ký tên và đóng dấu (nếu có) bởi đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư là người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư hoặc người được người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền.

---

[28] Cụm từ "và kinh nghiệm" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[29] Cụm từ "và kinh nghiệm" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[30] Cụm từ "kinh nghiệm" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền cho cấp dưới thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu dự quan tâm; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu dự quan tâm). Bản gốc giấy ủy quyền (lập theo Mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu dự quan tâm) phải được gửi cho bên mời quan tâm cùng với văn bản đăng ký thực hiện dự án.

13.2. Đối với nhà đầu tư liên danh, văn bản đăng ký thực hiện dự án phải được chuẩn bị theo Mẫu số 01 tại Chương III – Biểu mẫu dự quan tâm, do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền. Trường hợp ủy quyền, thực hiện tương tự nhà đầu tư độc lập theo quy định tại Mục 13.1 CDNĐT.

Mục 14. Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận HSĐKTHDA

14.1. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm chuẩn bị và nộp HSĐKTHDA trên Hệ thống theo yêu cầu của HSMQT. HSĐKTHDA của nhà đầu tư bao gồm: Văn bản đăng ký thực hiện dự án; hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực, [31] của nhà đầu tư; các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

14.2. Nhà đầu tư nộp HSĐKTHDA trên Hệ thống theo thời hạn quy định tại thông báo mời quan tâm.

Mục 15. Sửa đổi, thay thế, rút HSĐKTHDA

15.1. Sau khi nộp, nhà đầu tư có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút HSĐKTHDA trên Hệ thống trước thời điểm hết hạn nộp HSĐKTHDA. Trường hợp cần sửa đổi HSĐKTHDA đã nộp, nhà đầu tư phải tiến hành rút toàn bộ HSĐKTHDA đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện HSĐKTHDA, nhà đầu tư tiến hành nộp lại HSĐKTHDA mới. Trường hợp nhà đầu tư đã nộp HSĐKTHDA trước khi HSMQT được sửa đổi (nếu có) thì nhà đầu tư phải nộp lại HSĐKTHDA mới cho phù hợp với HSMQT đã được sửa đổi.

---

[31] Cụm từ "kinh nghiệm" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

15.2. Sau thời điểm hết hạn nộp HSĐKTHDA, nhà đầu tư không được rút HSĐKTHDA đã nộp.

Mục 16. Thời điểm đóng thầu

16.1.[32] Bên mời quan tâm tiếp nhận HSĐKTHDA của tất cả nhà đầu tư nộp HSĐKTHDA trước thời điểm đóng thầu là: ___ giờ__ phút, ngày__tháng__năm__ *[ghi thời điểm (ngày, giờ) cụ thể bảo đảm tối thiểu là 20 ngày, kể từ ngày đầu tiên phát hành HSMQT đến ngày có thời điểm đóng thầu và không ghi thời điểm đóng thầu vào đầu giờ làm việc của một ngày để không làm hạn chế nhà đầu tư nộp HSĐKTHDA]*.

16.2. Bên mời quan tâm có thể gia hạn thời điểm đóng thầu trong trường hợp sửa đổi HSMQT theo quy định tại Mục 7.3 CDNĐT.

Mục 17. Mở thầu

17.1. Việc mở thầu được thực hiện trên Hệ thống trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm hết hạn nộp HSĐKTHDA.

17.2. Ngoại trừ trường hợp HSĐKTHDA nhà đầu tư rút theo quy định tại Mục 15.1 CDNĐT, bên mời quan tâm phải mở công khai tất cả HSĐKTHDA đã nhận được trước thời điểm đóng thầu.

17.3. Bên mời quan tâm tổ chức đánh giá HSĐKTHDA của các nhà đầu tư đã nộp hồ sơ.

Mục 18. Làm rõ HSĐKTHDA

18.1. Trường hợp trong quá trình đánh giá, nhà đầu tư phát hiện HSĐKTHDA thiếu thông tin, tài liệu về tư cách hợp lệ, năng lực [33] đã có của mình nhưng chưa được nộp cùng hồ sơ thì nhà đầu tư được gửi thông tin tài liệu đến bên mời quan tâm để tự làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực [34] của mình. Bên

---

[32] Mục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[33] Cụm từ "và kinh nghiệm" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[34] Cụm từ "và kinh nghiệm" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

mời quan tâm phải thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư về việc đã nhận được các tài liệu bổ sung làm rõ của nhà đầu tư trên Hệ thống.

18.2. Trong trường hợp phát hiện nhà đầu tư thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực [35] thì bên mời quan tâm phải yêu cầu nhà đầu tư làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực [36]. Nhà đầu tư có trách nhiệm làm rõ HSĐKTHDA theo yêu cầu của bên mời quan tâm. Tất cả yêu cầu làm rõ của bên mời quan tâm và văn bản làm rõ của nhà đầu tư phải được thực hiện trên Hệ thống.

18.3. Việc làm rõ HSĐKTHDA phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi tư cách và tên nhà đầu tư tham dự quan tâm.

18.4. Trong văn bản yêu cầu làm rõ phải quy định thời hạn làm rõ của nhà đầu tư (thời hạn này phải phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, bảo đảm nhà đầu tư có đủ thời gian chuẩn bị các tài liệu làm rõ HSĐKTHDA). Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà bên mời quan tâm không nhận được văn bản làm rõ hoặc nhà đầu tư có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của bên mời quan tâm thì bên mời quan tâm sẽ đánh giá HSĐKTHDA của nhà đầu tư theo thông tin nêu tại HSĐKTHDA nộp trước thời điểm đóng thầu.

Mục 19. Đánh giá HSĐKTHDA và công khai kết quả mời quan tâm

19.1. Việc đánh giá HSĐKTHDA thực hiện theo phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, [37] quy định tại Chương II – Đánh giá HSĐKTHDA.

19.2. Căn cứ kết quả đánh giá HSĐKTHDA, bên mời quan tâm trình người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt kết quả mời quan tâm và tổ chức lựa chọn nhà đầu tư như sau:

a) Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu của HSMQT, tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 44 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP.

---

[35] Cụm từ "và kinh nghiệm" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[36] Cụm từ "kinh nghiệm" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[37] Cụm từ "kinh nghiệm" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

b) Trường hợp chỉ có một nhà đầu tư đăng ký và đáp ứng yêu cầu của HSMQT hoặc có nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu của HSMQT thì chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

c) Trường hợp không có nhà đầu tư quan tâm hoặc không có nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu của HSMQT, có văn bản thông báo về kết thúc thủ tục mời quan tâm.

19.3. Đối với dự án quy định tại điểm a Mục 19.2 CDNĐT, người có thẩm quyền phê duyệt bảng theo dõi tiến độ các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 12 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP, trong đó quyết định bên mời thầu, hình thức, phương thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh điện lực[38]. Hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư được xác định theo quy định sau:

a) Đấu thầu rộng rãi trong nước nếu không có nhà đầu tư nước ngoài nộp HSĐKTHDA hoặc đáp ứng yêu cầu của HSMQT theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 11 của Luật Đấu thầu;

b) Đấu thầu rộng rãi quốc tế nếu có tối thiểu một nhà đầu tư nước ngoài trở lên đáp ứng yêu cầu của HSMQT.

19.4. Đối với dự án quy định tại điểm c Mục 19.2 CDNĐT, người có thẩm quyền thông báo bằng văn bản về việc kết thúc mời quan tâm và xem xét quyết định thực hiện một trong hai thủ tục sau:

a) Thực hiện lại thủ tục mời quan tâm trong thời hạn do người có thẩm quyền quyết định;

b) Rà soát, chỉnh sửa HSMQT nhưng phải bảo đảm phù hợp với quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án và thực hiện lại thủ tục mời quan tâm.

19.5. Căn cứ quyết định của người có thẩm quyền quy định tại Mục 19.2 CDNĐT, bên mời quan tâm có trách nhiệm đăng tải kết quả mời quan tâm và Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư hoặc văn bản thông báo về việc kết thúc thủ tục mời quan tâm trên Hệ thống.

---

[38] Cụm từ "dự án đầu tư công trình năng lượng" được thay thế bằng cụm từ "dự án đầu tư kinh doanh điện lực" theo quy định tại khoản 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Mục 20. Xử lý vi phạm trong đấu thầu[39]

20.1. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đấu thầu và quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

20.2. Ngoài việc bị xử lý theo quy định tại Mục 20.1 CDNĐT, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu còn bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư từ 06 tháng đến 05 năm. Thời gian cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, bao gồm cả cá nhân thuộc cơ quan có thẩm quyền, bên mời quan tâm, bên mời thầu, tổ chuyên gia, tổ thẩm định:

a) Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 03 năm đến 05 năm đối với một trong các hành vi vi phạm các khoản 1, 2, 4 và điểm a khoản 3 Điều 16 của Luật Đấu thầu;

b) Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 01 năm đến 03 năm đối với một trong các hành vi vi phạm điểm c khoản 3; khoản 5 Điều 16 của Luật Đấu thầu;

c) Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 06 tháng đến 01 năm đối với một trong các hành vi vi phạm các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 6 và khoản 7 Điều 16 của Luật Đấu thầu.

20.3. Đối với nhà đầu tư liên danh, việc cấm tham gia hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư quy định tại Mục 39.2 được thực hiện như sau:

a) Chỉ cấm tham gia hoạt động đối với thành viên liên danh có hành vi vi phạm thuộc trường hợp quy định tại các điểm c khoản 3; khoản 4; các điểm b, c, d, đ khoản 5; các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 6; khoản 7 Điều 16 của Luật Đấu thầu;

b) Cấm tham gia với tất cả thành viên liên danh khi một hoặc một số thành viên có hành vi vi phạm không thuộc trường hợp quy định tại điểm a mục này.

20.4. Thời hiệu áp dụng biện pháp cấm tham gia hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư quy định tại Mục 20.2 là 10 năm tính từ ngày xảy ra hành vi vi phạm.

---

[39] Mục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

20.5. Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được một trong các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị của bên mời thầu kèm theo các tài liệu chứng minh hành vi vi phạm;

b) Kiến nghị tại kết luận thanh tra của cơ quan thanh tra, kết luận kiểm tra của đoàn kiểm tra;

c) Kết quả giải quyết kiến nghị của Hội đồng giải quyết kiến nghị;

d) Các văn bản khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong đó xác định hành vi vi phạm.

20.6. Quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu bao gồm các nội dung:

a) Tên tổ chức, cá nhân vi phạm;

b) Nội dung vi phạm, căn cứ pháp lý để xử lý vi phạm và thời gian cấm tương ứng với từng hành vi vi phạm; tổng thời gian cấm (trường hợp vi phạm từ 02 hành vi trở lên); phạm vi cấm;

c) Hiệu lực thi hành quyết định.

CHƯƠNG II

ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ HSĐKTHDA

1.1. Kiểm tra HSĐKTHDA

Kiểm tra các thành phần của HSĐKTHDA, gồm: văn bản đăng ký thực hiện dự án; hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực, [40] của nhà đầu tư và các thành phần khác thuộc HSĐKTHDA theo quy định tại Mục 10 CDNĐT.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ HSĐKTHDA

HSĐKTHDA của nhà đầu tư được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có văn bản đăng ký thực hiện dự án được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với nhà đầu tư liên danh, văn bản đăng ký thực hiện dự án phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của

---

[40] Cụm từ "kinh nghiệm" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

thành viên thay mặt liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Văn bản đăng ký thực hiện dự án được coi là không hợp lệ nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có); không được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc thành viên thay mặt liên danh ký văn bản đăng ký thực hiện dự án theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) đối với trường hợp liên danh;

- Được ký trước khi bên mời quan tâm phát hành HSMQT, ký trước khi có giấy ủy quyền ký văn bản đăng ký thực hiện dự án (nếu có), ký trước khi ký thỏa thuận liên danh đối với trường hợp liên danh;

- Kèm theo điều kiện gây bất lợi cho cơ quan có thẩm quyền, bên mời quan tâm hoặc bỏ sót các nội dung quan trọng nêu trong Mẫu văn bản đăng ký thực hiện dự án dẫn đến không bảo đảm toàn bộ trách nhiệm và cam kết của nhà đầu tư trong quá trình dự quan tâm và thực hiện hợp đồng nếu được công nhận trúng thầu.

b) Nhà đầu tư không có tên trong hai hoặc nhiều HSĐKTHDA với tư cách là nhà đầu tư độc lập hoặc thành viên liên danh;

c) Trường hợp liên danh, có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Thỏa thuận liên danh phải nêu rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu dự quan tâm;

d) Nhà đầu tư không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

đ) Nhà đầu tư có tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 CDNĐT.

Nhà đầu tư có HSĐKTHDA được coi là "Hợp lệ" khi tất cả các nội dung được đánh giá là "Đáp ứng". HSĐKTHDA của nhà đầu tư được coi là "Không hợp lệ" khi có bất kỳ nội dung nào được đánh giá là "Không đáp ứng" và khi đó HSĐKTHDA của nhà đầu tư sẽ bị loại. Nhà đầu tư có HSĐKTHDA hợp lệ được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Mục 2. Đánh giá sơ bộ về năng lực, [41] của nhà đầu tư

---

[41] Cụm từ "kinh nghiệm" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu

2.1. Sử dụng phương pháp đạt, không đạt để đánh giá sơ bộ về năng lực [42] của nhà đầu tư. Nhà đầu tư được đánh giá là đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, [43] khi tất cả các tiêu chuẩn được đánh giá là đạt.

2.2. Đối với nhà đầu tư liên danh:

a) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh, từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu tương ứng với phần góp vốn chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh. Nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 30%, từng thành viên liên danh có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 15%;

b)[44] *(được bãi bỏ)*.

2.3.[45] Việc đánh giá sơ bộ năng lực của nhà đầu tư được thực hiện theo Bảng số 01 dưới đây:

Bảng số 01

YÊU CẦU SƠ BỘ VỀ NĂNG LỰC

STT	Nội dung	Yêu cầu
	Yêu cầu về vốn chủ sở hữu	Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp(1) để được đánh giá là đạt: _____ *[ghi giá trị bằng số và bằng chữ, vốn chủ sở hữu tối thiểu không thấp hơn 15% tổng vốn đầu tư*

Ghi chú:

và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[42] Cụm từ "và kinh nghiệm" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[43] Cụm từ "kinh nghiệm" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[44] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[45] Mục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[(1)] Yêu cầu về vốn chủ sở hữu được xác định trên cơ sở tổng vốn đầu tư (gồm sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án và chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có)).

Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào:

- Kết quả báo cáo tài chính hoặc kết quả báo cáo đối với khoản mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán thực hiện trong năm; trường hợp không có kết quả báo cáo tài chính hoặc kết quả báo cáo đối với khoản mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán thực hiện trong năm thì dùng kết quả báo cáo tài chính hoặc kết quả báo cáo đối với khoản mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán của năm liền trước theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về kiểm toán, pháp luật về kế toán;

- Đối với doanh nghiệp thành lập và hoạt động chưa đủ 12 tháng thì vốn chủ sở hữu được xác định theo vốn điều lệ đã góp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và đầu tư tài chính dài hạn (nếu có), nhà đầu tư kê khai danh sách các dự án đang được đầu tư và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), bảo đảm đáp ứng đủ toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

Nhà đầu tư phải kê khai thông tin, cung cấp các tài liệu về năng lực tài chính theo Mẫu số 05 Chương III – Biểu mẫu dự quan tâm.”.

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU DỰ QUAN TÂM

1. Mẫu số 01: Văn bản đăng ký thực hiện dự án
2. Mẫu số 02: Giấy ủy quyền
3. Mẫu số 03: Thỏa thuận liên danh
4. Mẫu số 04: Thông tin về nhà đầu tư và các đối tác cùng thực hiện
5. Mẫu số 05: Năng lực tài chính của nhà đầu tư
6. Mẫu số 06:[46] *(được bãi bỏ)*

[46] Mẫu số 06 được bãi bỏ theo quy định tại khoản 14 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Mẫu số 01

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN (1)

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm ___

Kính gửi: ___ *[ghi tên Bên mời quan tâm]*

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời quan tâm của dự án ___ *[ghi tên dự án]* do_____*[ghi tên bên mời quan tâm]* (sau đây gọi tắt là Bên mời quan tâm) phát hành ngày___ *[ghi ngày bắt đầu phát hành hồ sơ mời quan tâm cho nhà đầu tư]* và văn bản sửa đổi hồ sơ mời quan tâm số ___ ngày___ *[ghi số, ngày của văn bản sửa đổi (nếu có)]*, chúng tôi, ___ *[ghi tên nhà đầu tư]* nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đối với dự án nêu trên. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án này được nộp không có điều kiện và ràng buộc kèm theo.

Chúng tôi sẵn sàng cung cấp cho Bên mời quan tâm bất kỳ thông tin bổ sung, làm rõ cần thiết nào khác khi Bên mời quan tâm có yêu cầu.

Chúng tôi cam kết(2):

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ đăng ký thực hiện dự án này với tư cách là nhà đầu tư độc lập, thành viên liên danh.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh.

4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm khác của pháp luật về đấu thầu khi tham dự dự án này.

5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký thực hiện dự án là chính xác, trung thực.

6. Chúng tôi đồng ý và cam kết chịu mọi trách nhiệm liên quan đối với tất cả nghĩa vụ của nhà đầu tư trong quá trình dự quan tâm.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư (4)
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)(5)]

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư lưu ý ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời quan tâm, nhà đầu tư.

(2) Trường hợp phát hiện nhà đầu tư vi phạm các cam kết này thì nhà đầu tư bị coi là có hành vi gian lận, HSĐKTHDA bị loại và nhà đầu tư sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định.

(3) Đối với nhà đầu tư độc lập, văn bản đăng ký thực hiện dự án phải được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu. Đối với nhà đầu tư liên danh, văn bản đăng ký thực hiện dự án phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh được xác định theo quy định tại Mục 13 CDNĐT.

(4) Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền về việc chữ ký trong văn bản đăng ký thực hiện dự án và các tài liệu khác trong HSĐKTHDA là của người đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.

Mẫu số 02

GIẤY UỶ QUYỀN

Hôm nay, ngày ___ tháng ___ năm ___, tại ___

Tôi là___*[ghi tên, số CMND/số hộ chiếu/số CCCD, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư]*, là người đại diện theo pháp luật của ___*[ghi tên nhà đầu tư]* có địa chỉ tại ___*[ghi địa chỉ của nhà đầu tư]*, bằng văn bản này ủy quyền cho: ___*[ghi tên, số CMND/số hộ chiếu/số CCCD, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia lựa chọn nhà đầu tư dự án ___ *[ghi tên dự án]* do___*[ghi tên bên mời quan tâm]* tổ chức:

[Phạm vi ủy quyền gồm một hoặc một số công việc sau:

- Ký văn bản đăng ký thực hiện dự án;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời quan tâm trong quá trình dự quan tâm, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời quan tâm và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ đăng ký thực hiện dự án;

- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia lựa chọn nhà đầu tư, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu, văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu;

- Ký các văn bản kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư (nếu có);

- Các công việc khác (ghi rõ nội dung các công việc, nếu có)].

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi được ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ___ *[ghi tên nhà đầu tư]*._____ *[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do_____ *[ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____[(1)]. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau. Người ủy quyền giữ ____ bản. Người được ủy quyền giữ ____ bản. Đính kèm theo bản gốc của Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án (01) bản gốc./.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)[(2)]]	*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)[(3)]]*

Ghi chú:

(1) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu.

(2), (3) Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà đầu tư hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền.

Mẫu số 03

THỎA THUẬN LIÊN DANH

(Địa điểm), ngày___ tháng___ năm___

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh: ___ *[Ghi tên từng thành viên liên danh]*

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động:

- Mã số thuế:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Fax:

- Email:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

Giấy ủy quyền số ___ ngày___ tháng ___ năm ___ *(trường hợp được ủy quyền)*.

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia đấu thầu dự án ___ *[ghi tên dự án]*.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến dự án là:___ *[ghi tên của liên danh theo thỏa thuận]*.

Địa chỉ giao dịch của Liên danh:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Người đại diện của Liên danh:

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà đầu tư khác để tham gia đấu thầu dự án.

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện các công việc trong quá trình đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư cho dự án như sau:

1. Các bên nhất trí thỏa thuận cho ___ *[ghi tên một thành viên]* là thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh để thực hiện các công việc trong quá trình hoàn thiện, nộp, làm rõ, sửa đổi hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

2. Vai trò, trách nhiệm của các thành viên liên danh [(1)]*[ghi cụ thể vai trò, trách nhiệm của từng thành viên liên danh và ghi tỷ lệ phần trăm góp vốn chủ sở hữu trong liên danh]:*

TT	Tên thành viên	Vai trò tham gia *[Ghi phần công việc mà thành viên đảm nhận (thu xếp tài chính, xây dựng, quản lý, vận hành,...]*	Vốn chủ sở hữu	
			Giá trị	Tỉ lệ %
1	Thành viên 1 *[Đứng đầu liên danh]*			*[tối thiểu 30%]*
2	Thành viên 2			*[tối thiểu 15%]*
3	Thành viên 3			*[tối thiểu 15%]*
.....				
		Tổng	....	**100%**

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà đầu tư khác để tham gia lựa chọn nhà đầu tư dự án này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Bồi thường thiệt hại cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định nêu trong hợp đồng;

- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên thỏa thuận cùng chấm dứt;

- Có sự thay đổi thành viên liên danh. Trong trường hợp này, nếu sự thay đổi thành viên liên danh được bên mời quan tâm chấp thuận thì các bên phải thành lập thỏa thuận liên danh mới;

- Liên danh không đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, [47];

- Kết thúc thủ tục mời quan tâm;

Thỏa thuận liên danh được lập thành ___ bản gốc, mỗi thành viên liên danh giữ___ bản, nộp kèm theo hồ sơ đăng ký thực hiện dự án 01 bản gốc. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh (2)

[ghi tên đại diện hợp pháp của từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)(3)]

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư phải liệt kê vai trò tham gia và tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu của từng thành viên liên danh.

(2) Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

(3) Trường hợp thành viên liên danh là nhà đầu tư nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền về việc chữ ký trong thỏa thuận liên danh là của người đại diện hợp pháp của thành viên liên danh.

---

[47] Cụm từ "kinh nghiệm" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Mẫu số 04[48]

THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁC ĐỐI TÁC CÙNG THỰC HIỆN

(Địa điểm)___, ngày___ tháng___ năm___

I. Thông tin về nhà đầu tư/thành viên liên danh[(1)]

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:

2. Quốc gia nơi đăng ký hoạt động của nhà đầu tư/thành viên liên danh:

3. Năm thành lập:

4. Địa chỉ hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh tại quốc gia đăng ký:

5. Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh:

- Tên:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại/fax:
- Địa chỉ e-mail:

6. Sơ đồ tổ chức của nhà đầu tư.

II. Thông tin về các đối tác cùng thực hiện

TT	Tên đối tác [(2)]	Quốc gia nơi đăng ký hoạt động	Vai trò tham gia [(3)]	Người đại diện theo pháp luật	Giá trị tham gia	Hợp đồng với đối tác[(4)]
1	*Công ty 1*		*[Tổ chức cung cấp tài chính]*			
2	…..					

Đại diện pháp luật của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

---

[48] Mẫu này đã được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung 1 số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, nay được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này. Nhà đầu tư/thành viên liên danh cần nộp kèm theo bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với nhà đầu tư trong nước; đối với nhà đầu tư nước ngoài, có tài liệu chứng minh đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài.

(2) Nhà đầu tư ghi cụ thể tên của các đối tác tham gia thực hiện dự án. Trường hợp khi tham dự quan tâm chưa xác định được cụ thể danh tính của các đối tác thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột "vai trò tham gia". Sau đó, nếu trúng thầu thì khi huy động các đối tác thực hiện công việc đã kê khai thì phải thông báo cho bên mời thầu.

(3) Nhà đầu tư ghi cụ thể vai trò tham gia của từng đối tác.

(4) Nhà đầu tư ghi cụ thể số hợp đồng kèm theo bản chụp được chứng thực tài liệu đó. Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với đối tác phải được ký với đại diện hợp pháp của các bên. Đại diện hợp pháp của các bên là người đại diện theo pháp luật của các bên hoặc người được người đại diện hợp pháp của các bên ủy quyền.

Mẫu số 05[49]

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ(1)

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:

2. Thông tin về năng lực tài chính của nhà đầu tư/thành viên liên danh(2):

a) Tóm tắt các số liệu về tài chính (3):

STT	Nội dung	Giá trị
I	**Vốn chủ sở hữu cam kết sử dụng cho dự án**	
II	**Các số liệu về vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư**	
1	Tổng vốn chủ sở hữu	
2	Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện(4) (không gồm vốn đã được giải ngân cho các dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có))	
3	Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định	

b) Tài liệu đính kèm(5)

- Báo cáo tài chính hoặc báo cáo đối với các khoản, mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán thực hiện trong năm; trường hợp không có báo cáo tài chính hoặc báo cáo đối với các khoản, mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán thực hiện trong năm thì nộp báo cáo tài chính hoặc báo cáo đối với khoản, mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán của năm liền trước theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về kiểm toán, pháp luật về kế toán.

- Đối với doanh nghiệp thành lập và hoạt động chưa đủ 12 tháng thì vốn chủ sở hữu được xác định theo vốn điều lệ đã góp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Trong trường hợp này, phải đính kèm tài liệu chứng minh vốn điều lệ của doanh nghiệp.

---

[49] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 6 năm 2025.

- Các báo cáo do nhà đầu tư cung cấp phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về tài chính, kế toán, phản ánh tình hình tài chính riêng của nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà đầu tư liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh.

- Danh sách dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác trong trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có).

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các số liệu, tài liệu cung cấp liên quan đến vốn chủ sở hữu, phân bổ vốn chủ sở hữu cho các dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có). Trường hợp phát hiện thông tin kê khai là không chính xác, làm sai lệch kết quả đánh giá thì sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và bị loại.

(3) Căn cứ yêu cầu, tính chất dự án, bên mời quan tâm, tổ chuyên gia bổ sung các thông tin phù hợp.

(4) Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), nhà đầu tư kê khai danh sách các dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm đáp ứng đủ toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định

(5) Căn cứ yêu cầu, tính chất dự án, bên mời quan tâm có thể bổ sung các tài liệu nhà đầu tư phải nộp để chứng minh năng lực tài chính (ví dụ như: biên bản kiểm tra quyết toán thuế, tờ khai tự quyết toán thuế; tài liệu chứng minh việc nhà đầu tư đã kê khai quyết toán thuế điện tử; văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế;…).

Mẫu số 06

[50] ***(Được bãi bỏ)***

[50] Mẫu số 06 được bãi bỏ theo quy định tại khoản 14 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN

Bên mời quan tâm, tổ chuyên gia căn cứ nội dung quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi (nếu có); văn bản phê duyệt thông tin dự án đầu tư có sử dụng đất đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư để xác định yêu cầu thực hiện dự án (trường hợp cần thiết, phát hành kèm theo HSMQT các tài liệu này).

Yêu cầu thực hiện dự án gồm:

1. Tên dự án; mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư của dự án

2. Tổng vốn đầu tư của dự án:

- Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án;

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có).

3. Địa điểm thực hiện dự án;

4. Mục đích sử dụng đất; Hiện trạng sử dụng đất;

5. Diện tích khu đất thực hiện dự án;

6. Các chỉ tiêu quy hoạch;

7. Thời hạn, tiến độ thực hiện dự án; sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có); tiến độ thực hiện dự án theo từng giai đoạn (nếu có);

8. Ưu đãi và bảo đảm đầu tư;

9. Các nội dung liên quan khác.

Phụ lục II[51]

HỒ SƠ MỜI THẦU MỘT GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ VÀ HAI GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ DỰ ÁN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC[52]

(Kèm theo Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

HỒ SƠ MỜI THẦU

Tên dự án: _____

[ghi tên dự án theo quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án đầu tư có sử dụng đất đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư]

_____

Phát hành ngày:

[ghi ngày bắt đầu phát hành hồ sơ mời thầu cho nhà đầu tư]

_____

Ban hành kèm theo Quyết định:

[ghi số và ngày quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu]

Tư vấn lập hồ sơ mời thầu (nếu có)	**Bên mời thầu**
[ghi tên, ký tên, đóng dấu (nếu có)]	*[ghi tên, ký tên, đóng dấu]*

---

[51] Một số nội dung của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 27/2024/TT-BCT đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 32/2025/TT-BCT, nay được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[52] Cụm từ "dự án đầu tư công trình năng lượng" được thay thế bằng cụm từ "dự án đầu tư kinh doanh điện lực" theo quy định tại khoản 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT **3**
TỪ NGỮ VIẾT TẮT **4**
PHẦN 1. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ **5**
Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư **5**
Chương II. Bảng dữ liệu **33**
Chương III. Đánh giá hồ sơ dự thầu **45**
Chương IV. Biểu mẫu dự thầu **52**
PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN **76**
PHẦN 3. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG **80**

MÔ TẢ TÓM TẮT

PHẦN 1. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự thầu. Thông tin gồm quy định về việc chuẩn bị, nộp hồ sơ dự thầu, mở thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng.

Chương II. Bảng dữ liệu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng dự án cụ thể.

Chương III. Đánh giá hồ sơ dự thầu

Chương này quy định phương pháp, tiêu chuẩn để đánh giá hồ sơ dự thầu.

Chương IV. Biểu mẫu dự thầu

Chương này gồm các biểu mẫu mà nhà đầu tư sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của hồ sơ dự thầu.

PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN

Bên mời thầu, Tổ chuyên gia căn cứ nội dung quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án đầu tư có sử dụng đất đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư để xác định yêu cầu thực hiện dự án.

PHẦN 3. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần này gồm các nội dung của dự thảo hợp đồng và biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng.

TỪ NGỮ VIẾT TẮT[53]

BDL	Bảng dữ liệu
CDNĐT	Chỉ dẫn nhà đầu tư
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
HSDT	Hồ sơ dự thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15.
Nghị định số 115/2024/NĐ-CP	Nghị định số 115/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2025/NĐ-CP và Nghị định số 225/2025/NĐ-CP.

[53] Bảng từ ngữ viết tắt được thay thế theo quy định tại khoản 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

PHẦN 1. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nội dung lựa chọn nhà đầu tư	1.1. Bên mời thầu với tên và địa chỉ quy định tại **BDL** mời nhà đầu tư quan tâm nộp HSDT đối với dự án được mô tả trong Phần 2 – Yêu cầu thực hiện dự án. 1.2. Tổng vốn đầu tư dự án được quy định tại **BDL**. 1.3. Yêu cầu về vốn chủ sở hữu và vốn vay của nhà đầu tư được quy định tại **BDL**. 1.4. Các thông tin cơ bản về dự án được quy định tại **BDL**.
2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu	Hành vi bị cấm trong đấu thầu gồm các hành vi theo quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu.
3. Tư cách hợp lệ của nhà đầu tư	Nhà đầu tư độc lập hoặc từng thành viên liên danh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 3.1.[54] Đối với nhà đầu tư trong nước: là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và tổ chức khác đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với nhà đầu tư nước ngoài: có đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài; 3.2. Hạch toán tài chính độc lập; 3.3. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; 3.4. Có tên trên Hệ thống trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư; 3.5. Bảo đảm cạnh tranh trong lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại khoản 5 Điều 6 của Luật Đấu thầu và Điều 5 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP, thông tin về các nhà thầu tư vấn theo **BDL**; 3.6. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở

[54] Mục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

	Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật Đấu thầu; 3.7. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; 3.8. Thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất, cho thuê đất và đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai. 3.9. Có tên trong danh sách ngắn đối với trường hợp dự án áp dụng hình thức đấu thầu hạn chế.
4. Nội dung HSMT	4.1. HSMT gồm có Phần 1, Phần 2, Phần 3 và các tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNĐT (nếu có), trong đó gồm các nội dung sau đây: a) Phần 1. Thủ tục lựa chọn nhà đầu tư - Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư - Chương II. Bảng dữ liệu - Chương III. Đánh giá HSDT - Chương IV. Biểu mẫu dự thầu b) Phần 2. Yêu cầu thực hiện dự án c) Phần 3. Dự thảo hợp đồng và biểu mẫu hợp đồng 4.2. Thông báo mời thầu do bên mời thầu đăng tải chỉ có tính chất thông báo, không phải là một phần của HSMT. 4.3. Bên mời thầu không chịu trách nhiệm về tính không chính xác, không hoàn chỉnh của HSMT, tài liệu giải thích làm rõ HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) hay các tài liệu sửa đổi HSMT không do bên mời thầu cung cấp. 4.4. Nhà đầu tư phải nghiên cứu tất cả thông tin chỉ dẫn, BDL, biểu mẫu, yêu cầu về thực hiện dự án và các yêu cầu khác trong HSMT để chuẩn bị HSDT.
5. Làm rõ HSMT, hội nghị tiền đấu thầu	5.1. Trường hợp cần làm rõ HSMT thì nhà đầu tư gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời thầu trên Hệ thống (đối với đấu thầu trong nước), gửi văn bản đề nghị làm rõ trực tiếp đến bên mời thầu (đối với đấu thầu quốc tế) để xem xét, xử lý. 5.2. Thời hạn tối thiểu để nhà đầu tư gửi văn bản đề nghị làm rõ theo quy định tại Mục 5.1 CDNĐT quy định tại **BDL**. 5.3. Việc làm rõ HSMT được bên mời thầu thực hiện theo một trong các hình thức sau đây: a) Đăng tải nội dung làm rõ trên Hệ thống;

	b) Trường hợp cần thiết, tổ chức hội nghị tiền đấu thầu theo quy định tại **BDL** để trao đổi về những nội dung trong HSMT mà nhà đầu tư chưa rõ. Nội dung trao đổi phải được bên mời thầu lập thành biên bản làm rõ HSMT và phải được đăng tải trên Hệ thống. Để tạo điều kiện thuận lợi cho bên mời thầu trả lời yêu cầu làm rõ HSMT, nhà đầu tư nên gửi yêu cầu làm rõ đến bên mời thầu trước ngày tổ chức hội nghị tiền đấu thầu. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu cần nêu rõ nội dung các câu hỏi của nhà đầu tư và nội dung câu trả lời của bên mời thầu nhưng không nêu tên nhà đầu tư có câu hỏi. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi HSMT. Việc không tham gia hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại nhà đầu tư. 5.4. Bên mời thầu làm rõ HSMT khi nhận được văn bản đề nghị làm rõ trong thời hạn nêu trên. Nội dung làm rõ HSMT phải được đăng tải trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu quy định tại **BDL** trước ngày có thời điểm đóng thầu. 5.5. Nội dung làm rõ HSMT không được trái với nội dung của HSMT đã được đăng tải trên Hệ thống. Trường hợp sau khi làm rõ HSMT dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì bên mời thầu tiến hành sửa đổi HSMT theo thủ tục quy định tại Mục 7 CDNĐT. 5.6. Văn bản làm rõ HSMT là một phần của HSMT.
6. Khảo sát hiện trường	6.1. Nhà đầu tư được tiếp cận, khảo sát hiện trường dự án với điều kiện nhà đầu tư cam kết rằng bên mời thầu không phải chịu bất kì trách nhiệm nào đối với nhà đầu tư trong việc khảo sát hiện trường này. Nhà đầu tư sẽ tự chịu trách nhiệm cho những rủi ro của mình như tai nạn, mất mát hoặc thiệt hại tài sản và bất kỳ chi phí nào khác phát sinh từ việc khảo sát hiện trường. Trong trường hợp cần thiết, bên mời thầu sẽ tổ chức, hướng dẫn nhà đầu tư đi khảo sát hiện trường theo quy định tại **BDL**. 6.2. Nhà đầu tư cần thông báo trước cho bên mời thầu về việc đề xuất tổ chức khảo sát hiện trường dự án.
7. Sửa đổi HSMT	7.1. Trường hợp sửa đổi HSMT sau khi phát hành, bên mời thầu phải đăng tải trên Hệ thống quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi HSMT, HSMT đã được sửa đổi. Việc sửa đổi HSMT được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Quyết định sửa đổi HSMT là một phần của HSMT. Nhà đầu tư có trách nhiệm thường xuyên truy cập vào Hệ thống để cập

	nhật các thông tin về HSMT. 7.2. Thời gian đăng tải quyết định sửa đổi HSMT theo quy định tại **BDL**. Trường hợp thời gian đăng tải quyết định sửa đổi HSMT không đáp ứng theo quy định nêu trên thì bên mời thầu thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng bảo đảm quy định về thời gian tại Mục này. Việc gia hạn được thực hiện theo quy định tại Mục 21.2 CDNĐT.
8. Chi phí dự thầu	Nhà đầu tư phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSDT. Trong mọi trường hợp, bên mời thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà đầu tư.
9. Ngôn ngữ của HSDT	HSDT cũng như tất cả thư từ và tài liệu liên quan đến HSDT trao đổi giữa nhà đầu tư với bên mời thầu được viết bằng ngôn ngữ quy định tại **BDL**.
10. Thành phần của HSDT	10.1. HSDT gồm : - Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 CDNĐT; - Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 CDNĐT; - Giấy ủy quyền ký đơn dự thầu theo quy định tại Mẫu số 02 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu; - Thỏa thuận liên danh theo quy định tại Mẫu số 03 Chương IV– Biểu mẫu dự thầu; - Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 17 CDNĐT; - Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực [55] của nhà đầu tư theo quy định tại Mục 12 CDNĐT; - Đề xuất về kỹ thuật theo quy định tại Mục 13 CDNĐT; - Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 15 CDNĐT. 10.2. Đề xuất thay thế phương án đầu tư kinh doanh trong HSDT theo quy định tại Mục 14 CDNĐT. 10.3. Các nội dung khác nêu tại **BDL**.
11. Đơn dự thầu	11.1. Đối với nhà đầu tư độc lập, đơn dự thầu phải được ký tên

[55] Cụm từ "và kinh nghiệm" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 16 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

	và đóng dấu (nếu có) bởi đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư là người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư hoặc người được người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền. Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền cho cấp dưới thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV– Biểu mẫu dự thầu). Bản gốc giấy ủy quyền (lập theo Mẫu số 02 Chương IV– Biểu mẫu dự thầu) phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn dự thầu. 11.2. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự thầu phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên được phân công thay mặt liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh là người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền. Trường hợp ủy quyền, thực hiện tương tự nhà đầu tư độc lập theo quy định tại Mục 11.1 CDNĐT.
12. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực [56] của nhà đầu tư	12.1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư theo quy định tại **BDL**. 12.2.[57] Tài liệu chứng minh năng lực của nhà đầu tư gồm: a) Năng lực của nhà đầu tư được kê khai theo các Mẫu số 06 và 07 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu. Trường hợp đồng tiền nêu trong các tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm không phải đồng tiền theo quy định tại **BDL** thì khi lập HSDT, nhà đầu tư phải quy đổi về đồng tiền tương ứng theo quy định tại mục này để làm cơ sở đánh giá HSDT; trường hợp không có tỷ giá trực tiếp giữa các loại đồng tiền này thì

[56] Cụm từ "và kinh nghiệm" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 16 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[57] Mục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

	nhà đầu tư sử dụng đồng tiền trung gian theo quy định tại **BDL** để làm cơ sở quy đổi và kê khai trong HSDT; b) Các tài liệu khác theo quy định tại **BDL**.
13. Thành phần đề xuất về kỹ thuật	Trong HSDT, nhà đầu tư phải nộp một đề xuất về phương án đầu tư kinh doanh gồm các nội dung theo quy định tại **BDL** và bất kỳ thông tin nào khác theo quy định tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu.
14. Đề xuất thay thế phương án đầu tư kinh doanh	14.1. Nhà đầu tư được đề xuất thay thế phương án đầu tư kinh doanh. 14.2. Nhà đầu tư phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể đánh giá phương án đầu tư kinh doanh.
15. Thành phần đề xuất về tài chính	15.1. Trong HSDT, nhà đầu tư phải nộp một đề xuất hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương gồm các nội dung theo quy định tại **BDL** và bất kỳ thông tin nào khác theo quy định tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu. 15.2.[58] Nhà đầu tư phải có trách nhiệm hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT trên cơ sở phương án đầu tư kinh doanh và giá trị do nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả đầu tư phát triển ngành điện trong đơn dự thầu là giá điện hoặc giá trị bằng tiền nộp ngân sách nhà nước hằng năm.
16. Đồng tiền dự thầu	16.1. Đồng tiền dự thầu theo quy định tại **BDL.** 16.2. Đối với chi phí trong nước liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, nhà đầu tư phải chào thầu bằng Đồng Việt Nam. 16.3. Đối với chi phí ở nước ngoài liên quan đến việc đầu tư kinh doanh, nhà đầu tư được chào thầu bằng đồng tiền nước ngoài, Đồng Việt Nam.
17. Bảo đảm dự thầu	17.1. Khi tham dự thầu, nhà đầu tư phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại **BDL**. 17.2. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

[58] Mục này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 6 năm 2025.

	a) Từng thành viên liên danh sẽ thực hiện riêng bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn giá trị yêu cầu quy định tại Mục 17.1 CDNĐT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Trường hợp có thành viên trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 17.5 CDNĐT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả; b) Các thành viên liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn giá trị yêu cầu theo quy định tại Mục 17.1 CDNĐT. Trường hợp có thành viên trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 17.5 CDNĐT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả. 17.3. Bảo đảm dự thầu được coi là hợp lệ theo quy định tại điểm đ khoản 1.2 Mục 1 Chương III – Đánh giá hồ sơ dự thầu. 17.4. Trường hợp nhà đầu tư được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực. Nhà đầu tư không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn tối đa theo quy định tại **BDL**. 17.5. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây: a) Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà đầu tư rút HSDT hoặc có văn bản từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT; b)[59] Nhà đầu tư có hành vi vi phạm tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu. c) Nhà đầu tư không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện

[59] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

	hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 CDNĐT; d) Nhà đầu tư không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 15 ngày đối với đấu thầu trong nước và 30 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng; đ) Nhà đầu tư không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 15 ngày đối với đấu thầu trong nước và 30 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.
18. Thời gian có hiệu lực của HSDT	18.1. HSDT phải có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại **BDL**. HSDT có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá. 18.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, bên mời thầu có thể đề nghị các nhà đầu tư gia hạn hiệu lực của HSDT, đồng thời yêu cầu nhà đầu tư gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian có hiệu lực của HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nhà đầu tư chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT.
19. Quy cách HSDT và chữ ký trong HSDT	19.1. Nhà đầu tư phải chuẩn bị HSDT gồm: 01 bản gốc HSDT và một số bản chụp HSDT theo số lượng quy định tại **BDL**. Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSDT thì nhà đầu tư phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDT**.** Trường hợp có phương án đầu tư kinh doanh thay thế theo quy định tại Mục 14 CDNĐT thì nhà đầu tư phải chuẩn bị 01 bản gốc và một số bản chụp hồ sơ theo số lượng quy định tại **BDL.** 19.2. Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà đầu tư thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà đầu tư thì HSDT của nhà đầu tư đó bị loại.

	19.3. Bản gốc của HSDT phải được đánh máy, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT (nếu có) và các biểu mẫu khác được lập theo quy định tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên và đóng dấu (nếu có). 19.4. Trường hợp là nhà đầu tư liên danh thì các nội dung của HSDT nêu tại Mục 10.1 CDNĐT phải được đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc của thành viên liên danh được phân công thay mặt liên danh theo phân công trách nhiệm tại văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). 19.5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.
20. Niêm phong và ghi bên ngoài HSDT	20.1. Bên ngoài túi đựng và trên trang bìa của các hồ sơ tương ứng phải ghi rõ "BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU". Trường hợp nhà đầu tư có sửa đổi, thay thế HSDT thì hồ sơ sửa đổi, thay thế phải được đựng trong các túi riêng biệt; bên ngoài túi đựng và trên trang bìa của các hồ sơ tương ứng phải ghi rõ "HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI", "HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ"; đồng thời đánh dấu rõ các bản gốc, bản chụp tương ứng. Các túi đựng: HSDT, HSDT sửa đổi, HSDT thay thế, phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà đầu tư. 20.2. Trên các túi đựng hồ sơ phải ghi đầy đủ các thông tin: a) Tên và địa chỉ của nhà đầu tư; b) Tên người nhận là tên bên mời thầu theo quy định tại Mục 1.1 CDNĐT; c) Tên dự án theo quy định tại Mục 1.4 CDNĐT; d) Ghi dòng chữ cảnh báo: "không được mở trước thời điểm mở HSDT" đối với túi đựng HSDT và túi đựng HSDT sửa đổi, HSDT thay thế (nếu có). 20.3. Trong trường hợp HSDT gồm nhiều tài liệu, nhà đầu tư cần thực hiện việc đóng gói toàn bộ tài liệu sao cho việc tiếp nhận và bảo quản HSDT của bên mời thầu được thuận tiện, bảo đảm sự toàn vẹn của HSDT, tránh thất lạc, mất mát. 20.4. Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSMT này như

	không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển đến bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT theo hướng dẫn quy định tại Mục 20.1 và Mục 20.2 CDNĐT. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDT nếu nhà đầu tư không thực hiện đúng quy định nêu trên.
21. Thời điểm đóng thầu	21.1. Nhà đầu tư nộp trực tiếp hoặc gửi HSDT đến địa chỉ của bên mời thầu theo quy định tại Mục 1.1 CDNĐT nhưng phải bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu quy định tại **BDL**. Bên mời thầu tiếp nhận HSDT của tất cả nhà đầu tư nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu và quản lý hồ sơ mật cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà đầu tư này cho nhà đầu tư khác, trừ thông tin được công khai khi mở thầu. Trường hợp chưa mua HSMT thì nhà đầu tư phải trả cho bên mời thầu khoản tiền bằng giá bán HSMT nêu tại **BDL** trước khi HSDT được tiếp nhận. 21.2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu trong trường hợp sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7.2 CDNĐT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của bên mời thầu và nhà đầu tư theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn. 21.3. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, bên mời thầu đăng tải thông báo gia hạn kèm theo quyết định phê duyệt gia hạn trên Hệ thống. Thông báo gia hạn nêu rõ lý do gia hạn, thời điểm đóng thầu mới. Trong thời gian gia hạn thời điểm đóng thầu, nhà đầu tư đã nộp HSDT có thể nhận lại để sửa đổi, bổ sung. Trường hợp nhà đầu tư chưa nhận lại hoặc không nhận lại HSDT thì bên mời thầu quản lý HSDT đó theo chế độ quản lý hồ sơ "mật".
22. HSDT nộp muộn	HSDT hoặc các tài liệu được nhà đầu tư gửi bên mời thầu sau thời điểm đóng thầu là không hợp lệ, không được mở và bị loại, trừ tài liệu làm rõ HSDT theo yêu cầu của bên mời thầu hoặc tài liệu làm rõ, bổ sung nhằm chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, [60] của nhà đầu tư. HSDT hoặc các tài liệu được được nhà đầu tư gửi bên mời thầu sau thời điểm đóng thầu

[60] Cụm từ "kinh nghiệm" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 16 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

	được trả lại nguyên trạng cho nhà đầu tư.
23. Sửa đổi, thay thế, rút HSDT	23.1. Sau khi nộp HSDT, nhà đầu tư có thể sửa đổi, thay thế, rút HSDT bằng cách gửi văn bản đề nghị do đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có) đến bên mời thầu. Nhà đầu tư phải gửi kèm theo các tài liệu theo quy định tại Mục 11 CDNĐT chứng minh tư cách hợp lệ của của người ký văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT. 23.2. Hồ sơ sửa đổi hoặc thay thế HSDT phải được gửi kèm với văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế và phải bảo đảm các điều kiện sau: a) Được nhà đầu tư chuẩn bị và nộp cho bên mời thầu theo quy định tại Mục 19 và Mục 20 CDNĐT; b) Được bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 21 CDNĐT. 23.3. Văn bản đề nghị rút HSDT phải bảo đảm được bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 21 CDNĐT. HSDT mà nhà đầu tư yêu cầu rút sẽ được trả lại cho nhà đầu tư.
24. Bảo mật	24.1. Bên mời thầu tiếp nhận và quản lý các HSDT đã nộp theo chế độ quản lý hồ sơ mật cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDT phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà đầu tư hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà đầu tư cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà đầu tư này cho nhà đầu tư khác, trừ thông tin được công khai khi mở HSDT. 24.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDT theo quy định tại Mục 25 CDNĐT, nhà đầu tư không được phép tiếp xúc với bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến dự án trong suốt thời gian từ khi mở HSDT cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư.
25. Làm rõ HSDT	25.1. Sau khi mở thầu, trường hợp HSDT của nhà đầu tư thiếu tài liệu về tư cách hợp lệ, báo cáo tài chính, [61] thì bên

[61] Cụm từ "tài liệu chứng minh kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 16 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

	mời thầu yêu cầu nhà đầu tư làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực [62]. Nhà đầu tư có trách nhiệm làm rõ HSDT khi bên mời thầu có yêu cầu. Việc làm rõ các nội dung về tư cách hợp lệ, năng lực [63] phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất về tư cách hợp lệ, năng lực, [64] của nhà đầu tư tham dự thầu. Trong văn bản yêu cầu làm rõ phải quy định thời hạn làm rõ của nhà đầu tư (thời hạn này phải phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, bảo đảm nhà đầu tư có đủ thời gian chuẩn bị các tài liệu làm rõ HSDT). Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, [65] và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà đầu tư không có văn bản làm rõ hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của bên mời thầu thì bên mời thầu sẽ đánh giá HSDT của nhà đầu tư theo HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Trong thời hạn theo quy định tại **BDL**, bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ, bổ sung của nhà đầu tư để xem xét, đánh giá. Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư về việc đã nhận được các tài liệu bổ sung, làm rõ của nhà đầu tư bằng một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail. Các tài liệu này được coi là một phần của HSDT. 25.2. Sau khi đóng thầu, trường hợp nhà đầu tư phát hiện HSDT thiếu thông tin, tài liệu về tư cách hợp lệ, năng lực, [66]

[62] Cụm từ "và kinh nghiệm" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 16 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[63] Cụm từ "kinh nghiệm" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 16 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[64] Cụm từ "kinh nghiệm" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 16 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[65] Cụm từ "kinh nghiệm" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 16 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[66] Cụm từ "kinh nghiệm" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 16 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21

	đã có của mình nhưng chưa được nộp cùng HSDT thì được gửi thông tin, tài liệu để bổ sung, làm rõ. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ, bổ sung tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, [67] của nhà đầu tư để xem xét, đánh giá. Các tài liệu này được coi là một phần của HSDT. 25.3. Việc làm rõ các nội dung đề xuất về phương án đầu tư kinh doanh, hiệu quả đầu tư phát triển ngành điện phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi các đề xuất tương ứng trong HSDT đã nộp. 25.4. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà đầu tư có HSDT cần phải làm rõ. Nội dung làm rõ HSDT phải thể hiện bằng văn bản và được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT.
26. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung	26.1. Khi đánh giá HSDT, bên mời thầu, tổ chuyên gia phải kiểm tra các nội dung về kỹ thuật, tài chính của HSDT để xác định HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót các nội dung cơ bản, trong đó: a) "Sai khác" là các khác biệt so với yêu cầu quy định tại HSMT; b) "Đặt điều kiện" là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu quy định tại HSMT; c) "Bỏ sót nội dung" là việc nhà đầu tư không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu quy định tại HSMT. 26.2. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu quy định tại HSMT thì bên mời thầu có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT. 26.3. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản HSMT, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong một thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai khác không nghiêm trọng trong

tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[67] Cụm từ "kinh nghiệm" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 16 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

	HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được làm ảnh hưởng đến đề xuất về hiệu quả đầu tư phát triển ngành điện của nhà đầu tư. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu của bên mời thầu thì HSDT của nhà đầu tư sẽ bị loại.
27. Xác định tính đáp ứng của HSDT	27.1. Bên mời thầu, tổ chuyên gia sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội dung của HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNĐT. 27.2. HSDT đáp ứng cơ bản là HSDT đáp ứng các yêu cầu cơ bản nêu trong HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản là những điểm trong HSDT mà nếu được chấp thuận hoặc cho nhà đầu tư sửa đổi, bổ sung, thay thế sẽ: a) Gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả thực hiện dự án được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSMT về quyền hạn của người có thẩm quyền hoặc nghĩa vụ của nhà đầu tư trong hợp đồng; b) Gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà đầu tư khác có HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT. 27.3. Nếu HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT thì HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT đó nhằm làm cho HSDT trở thành đáp ứng cơ bản HSMT.
28. Mở thầu	28.1. Ngoại trừ các trường hợp HSDT nộp muộn theo quy định tại Mục 22 CDNĐT và HSDT mà nhà đầu tư yêu cầu rút theo quy định tại Mục 23.3 CDNĐT, bên mời thầu phải mở công khai và đọc rõ các thông tin theo Mục 28.2 CDNĐT của tất cả HSDT đã nhận được trước thời điểm đóng thầu. Việc mở HSDT phải được tiến hành công khai theo thời gian và địa điểm quy định tại **BDL** trước sự chứng kiến của đại diện các nhà đầu tư tham dự lễ mở HSDT và đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan (nếu có). Việc mở HSDT không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà đầu tư tham dự thầu. Chỉ có các HSDT được mở và đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá. 28.2. Bên mời thầu kiểm tra niêm phong, mở từng HSDT theo thứ tự chữ cái tên của nhà đầu tư và đọc rõ các thông tin sau: a) Tên nhà đầu tư;

	b) Số lượng bản gốc, bản chụp HSDT, HSDT sửa đổi (nếu có) hoặc HSDT thay thế (nếu có); c) [68] Giá trị do nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả đầu tư phát triển ngành điện trong đơn dự thầu là giá điện hoặc giá trị bằng tiền nộp ngân sách nhà nước hằng năm. d) Đề xuất tăng hoặc giảm của giá trị quy định tại điểm c Mục này (nếu có); đ) Thời gian có hiệu lực của HSDT; e) Giá trị, hiệu lực của bảo đảm dự thầu; g) Các thông tin liên quan khác (nếu có). 28.3. Biên bản mở thầu gồm các thông tin quy định tại Mục 28.2 CDNĐT, phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và các nhà đầu tư tham dự thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà đầu tư trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu được gửi cho các nhà đầu tư tham dự thầu. 28.4. Đại diện của bên mời thầu ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); bảo đảm dự thầu; các nội dung về phương án đầu tư kinh doanh và hiệu quả đầu tư phát triển ngành điện của từng HSDT. Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDT nào khi mở thầu, trừ HSDT nộp muộn theo quy định tại Mục 22 CDNĐT và HSDT mà nhà đầu tư yêu cầu rút theo quy định tại Mục 23.3 CDNĐT. 28.5. Đối với trường hợp rút HSDT Bên mời thầu sẽ mở và đọc rõ các thông tin trong văn bản đề nghị rút HSDT. HSDT của nhà đầu tư có đề nghị rút HSDT sẽ trả lại cho nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư rút HSDT và vẫn mở HSDT tương ứng nếu văn bản đề nghị rút HSDT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư và phải được công khai trong lễ mở thầu. 28.6. Đối với trường hợp sửa đổi HSDT Bên mời thầu sẽ tiến hành mở túi đựng và đọc rõ thông tin tại văn bản đề nghị sửa đổi HSDT, HSDT sửa đổi trước khi mở

[68] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 6 năm 2025.

	túi đựng và đọc rõ thông tin trong HSDT ban đầu của nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư sửa đổi HSDT nếu văn bản đề nghị sửa đổi HSDT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. 28.7. Đối với trường hợp thay thế HSDT Bên mời thầu sẽ tiến hành mở túi đựng và đọc rõ thông tin tại văn bản đề nghị thay thế HSDT, HSDT thay thế. HSDT ban đầu sẽ được trả lại cho nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư thay thế HSDT nếu văn bản đề nghị thay thế HSDT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.
29. Đánh giá HSDT	29.1. Đánh giá HSDT theo phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá quy định tại các Mục 29.2 CDNĐT và Chương III - Đánh giá hồ sơ dự thầu. 29.2. Dự án được đánh giá theo thang điểm 100 hoặc 1.000, trong đó điểm tổng hợp được xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa điểm năng lực, [69] điểm phương án đầu tư kinh doanh và điểm hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương, bảo đảm tổng tỷ trọng là 100%, trong đó: a) Điểm năng lực, [70] theo quy định tại **BDL**; b) Điểm phương án đầu tư kinh doanh theo quy định tại **BDL**; c) Điểm hiệu quả đầu tư phát triển ngành điện theo quy định tại **BDL**. 29.3. Nhà đầu tư phải đáp ứng điểm tối thiểu sau đây để được đánh giá, xếp hạng: a) Điểm tổng hợp tối thiểu không được thấp hơn 70% tổng số điểm; b) Điểm tối thiểu của tiêu chuẩn, tiêu chuẩn chi tiết không thấp hơn 60% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó; c) Điểm tối thiểu của từng tiêu chí không thấp hơn 50% điểm

[69] Cụm từ "kinh nghiệm" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 16 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[70] Cụm từ "kinh nghiệm" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 16 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

	tối đa của tiêu chí đó. Nhà đầu tư đáp ứng điểm tối thiểu của từng tiêu chuẩn và có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.
30. Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch	30.1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong HSDT gồm lỗi số học, lỗi nhầm đơn vị; khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất về kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất về tài chính – thương mại và các lỗi khác. Việc sửa lỗi được thực hiện theo quy định tại **BDL**. 30.2. Hiệu chỉnh sai lệch là việc điều chỉnh những nội dung thiếu hoặc thừa không nghiêm trọng trong HSDT so với yêu cầu của HSMT. Các nội dung hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại **BDL** trên cơ sở bảo đảm công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế. Các nội dung được hiệu chỉnh phải bảo đảm nguyên tắc không phải là các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản theo quy định tại Mục 27.2 CDNĐT. Việc hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện chỉ hoàn toàn nhằm mục đích so sánh các HSDT. 30.3. Sau khi phát hiện lỗi, sai lệch, bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư biết về lỗi, sai lệch, việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và thời hạn kể từ ngày nhận được thông báo để nhà đầu tư có ý kiến về nội dung đó. Trong thời hạn kể từ ngày nhận được thông báo của bên mời thầu, nhà đầu tư phải có ý kiến bằng văn bản gửi bên mời thầu về các nội dung sau đây: a) Chấp thuận hay không chấp thuận kết quả sửa lỗi. Trường hợp nhà đầu tư không chấp thuận kết quả sửa lỗi thì HSDT của nhà đầu tư đó sẽ bị loại; b) Nêu ý kiến của mình về kết quả hiệu chỉnh sai lệch. Trường hợp nhà đầu tư không chấp thuận kết quả hiệu chỉnh sai lệch thì phải nêu rõ lý do để bên mời thầu xem xét, quyết định.
31. Ưu đãi trong lựa chọn nhà đầu tư	31.1. Đối tượng được hưởng ưu đãi và mức ưu đãi: a) Nhà đầu tư có giải pháp ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường đối với dự án thuộc nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường được hưởng mức ưu đãi 5% khi đánh giá HSDT; b) Nhà đầu tư cam kết chuyển giao công nghệ, thực hiện hoạt động công nghệ cao đối với các công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến

	khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định của pháp luật về công nghệ cao hoặc thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ được hưởng mức ưu đãi 2% khi đánh giá HSDT. c)[71] Đối với trường hợp dự án áp dụng lựa chọn nhà đầu tư quốc tế, nhà đầu tư nước ngoài cam kết chuyển giao công nghệ cho nhà đầu tư, đối tác trong nước thì được hưởng mức ưu đãi 2% khi đánh giá HSDT. 31.2. Khi dự thầu, nhà đầu tư phải nộp các tài liệu chứng minh theo quy định tại **BDL** về giải pháp ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất, quyền sử dụng hợp pháp công nghệ theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, chuyển giao công nghệ, bảo vệ môi trường, pháp luật khác có liên quan để được hưởng ưu đãi. 31.3. Cách tính ưu đãi: Điểm tổng hợp của đối tượng được hưởng ưu đãi được tính theo công thức sau: $T'_{TH} = T_{TH} + T_{TH} \times M_{ƯĐ}$ Trong đó: T'_{TH}: là điểm tổng hợp của nhà đầu tư được hưởng ưu đãi đã bao gồm mức ưu đãi để so sánh, xếp hạng; T_{TH}: là điểm tổng hợp của nhà đầu tư được hưởng ưu đãi khi chưa bao gồm mức ưu đãi. $M_{ƯĐ}$: là mức ưu đãi nhà đầu tư được hưởng theo quy định tại Mục 31.1 CDNĐT. 31.4. Nhà đầu tư thuộc đối tượng ưu đãi quy định Mục 31.1 CDNĐT được lựa chọn ký kết hợp đồng phải thực hiện theo đúng cam kết trong HSDT, hợp đồng dự án đầu tư có sử dụng đất.
32. Nguyên tắc xét duyệt trúng thầu	Nhà đầu tư được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

[71] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

	32.1. Có HSDT hợp lệ; 32.2. Đáp ứng yêu cầu về năng lực [72]; 32.3. Đáp ứng yêu cầu về phương án đầu tư kinh doanh; 32.4. Đáp ứng yêu cầu về hiệu quả đầu tư phát triển ngành điện; 32.5. Có điểm tổng hợp về năng lực, [73], phương án đầu tư kinh doanh và hiệu quả đầu tư phát triển ngành điện cao nhất.
33. Hủy thầu	33.1. Bên mời thầu sẽ thông báo hủy thầu trong trường hợp sau đây: a) Tất cả HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của HSMT; b) Thay đổi mục tiêu, quy mô, địa điểm, vốn đầu tư, thời hạn thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất vì lý do bất khả kháng, làm thay đổi tiêu chuẩn đánh giá trong HSMT đã phát hành; c) HSMT có một hoặc một số nội dung không tuân thủ quy định của luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà đầu tư hoặc nhà đầu tư được lựa chọn không còn đáp ứng yêu cầu để thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất; d)[74] *(được bãi bỏ)*; đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà đầu tư trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà đầu tư. 33.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại điểm c [75] và đ Mục

[72] Cụm từ "và kinh nghiệm" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 16 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[73] Cụm từ "kinh nghiệm" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 16 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[74] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 7 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[75] Từ ", d" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 7 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

	33.1 CDNĐT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan. 33.3. Hủy thầu được thực hiện trong thời gian từ ngày phát hành HSMT đến trước ngày ký kết hợp đồng.
34. Công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư	34.1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, bên mời thầu đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 và khoản 4 Điều 8 của Luật Đấu thầu; đồng thời, gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư đến các nhà đầu tư tham dự thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư bao gồm: a) Tên dự án; b) Tên nhà đầu tư trúng thầu; doanh nghiệp do nhà đầu tư trúng thầu dự kiến thành lập (nếu có); c) [76] Thông tin về giá trị do nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả đầu tư phát triển ngành điện là giá điện hoặc giá trị bằng tiền nộp ngân sách nhà nước hằng năm; d) Danh sách nhà đầu tư không được lựa chọn và lý do không được lựa chọn của từng nhà đầu tư; đ) Kế hoạch đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà đầu tư được lựa chọn; e) Các nội dung khác (nếu có). 34.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 33.1 CDNĐT, trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư phải nêu rõ lý do hủy thầu và trách nhiệm của các bên liên quan khi hủy thầu. 34.3. Cùng với văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư, bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng, gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian đàm phán, hoàn thiện hợp đồng, ký kết hợp đồng theo quy định tại các Mục 35, 36 và 37 CDNĐT cho nhà đầu tư trúng thầu. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà đầu tư trúng thầu không đến đàm phán, hoàn thiện hợp đồng, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT thì nhà đầu tư sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu

[76] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 6 năm 2025.

	theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 17.5 CDNĐT.
35. Đàm phán, hoàn thiện hợp đồng	35.1. Căn cứ kết quả lựa chọn nhà đầu tư, nhà đầu tư xếp thứ nhất được mời đàm phán, hoàn thiện hợp đồng theo thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng quy định tại Mục 34.3 CDNĐT. 35.2. Việc đàm phán, hoàn thiện hợp đồng được thực hiện trên cơ sở: a) Báo cáo đánh giá HSDT; b) HSDT và các tài liệu làm rõ, sửa đổi HSDT (nếu có) của nhà đầu tư; c) HSMT và các tài liệu sửa đổi, bổ sung HSMT (nếu có); d) Tài liệu khác có liên quan. 35.3. Nguyên tắc đàm phán, hoàn thiện hợp đồng: a) Không tiến hành đàm phán, hoàn thiện hợp đồng đối với các nội dung mà nhà đầu tư đã chào thầu theo đúng yêu cầu của HSMT; b) Không được làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT. 35.4. Nội dung đàm phán, hoàn thiện hợp đồng: a) Đàm phán, hoàn thiện về những nội dung được đề xuất trong HSDT nhưng chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc còn khác nhau; nội dung chưa phù hợp, thống nhất giữa HSMT và HSDT có thể dẫn đến tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng; b) Đàm phán về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư (nếu có) nhằm hoàn thiện các nội dung chi tiết của hợp đồng; c) Đàm phán về các nội dung khác liên quan đến dự án để có cơ sở xác lập các quy định về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hợp đồng; d) Các nội dung cần thiết khác. 35.5. Nhà đầu tư không được thay đổi, rút hoặc từ chối thực hiện các nội dung cơ bản đề xuất trong HSDT đã được bên mời thầu đánh giá đáp ứng yêu cầu của HSMT, trừ trường hợp các thay đổi do nhà đầu tư đề xuất mang lại hiệu quả cao hơn cho dự án. 35.6. Trường hợp đàm phán, hoàn thiện hợp đồng không thành công, bên mời thầu báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định hủy kết quả lựa chọn nhà đầu tư và mời nhà đầu tư

	xếp hạng tiếp theo đàm phán, hoàn thiện hợp đồng. Trường hợp đàm phán, hoàn thiện hợp đồng với các nhà đầu tư tiếp theo thành công, bên mời thầu trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 28 và Điều 29 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP. Trường hợp đàm phán, hoàn thiện hợp đồng với các nhà đầu tư tiếp theo không thành công, bên mời thầu báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 33.1 CDNĐT.
36. Ký kết hợp đồng và nguyên tắc thực hiện hợp đồng dự án đầu tư có sử dụng đất	36.1. Việc ký kết hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh điện lực[77] phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Tại thời điểm ký kết, HSDT của nhà đầu tư được lựa chọn còn hiệu lực; b) Tại thời điểm ký kết, nhà đầu tư được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng theo yêu cầu của HSMT. 36.2. Hợp đồng được ký kết giữa các bên phải phù hợp với nội dung trong HSMT, HSDT, quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư và biên bản đàm phán, hoàn thiện hợp đồng. 36.3. Cơ quan có thẩm quyền hoặc bên mời thầu (trong trường hợp được ủy quyền) ký kết hợp đồng với nhà đầu tư được lựa chọn. Đối với nhà đầu tư liên danh, tất cả các thành viên liên danh phải trực tiếp ký, đóng dấu (nếu có) vào văn bản hợp đồng. 36.4. Việc thực hiện hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh điện lực[78] tuân thủ nguyên tắc quy định tại Điều 69 của Luật Đấu thầu.
37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	37.1. Nhà đầu tư phải thực hiện một trong các biện pháp theo quy định tại **BDL** để bảo đảm trách nhiệm thực hiện hợp đồng dự án đầu tư trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có

[77] Cụm từ "dự án đầu tư công trình năng lượng" được thay thế bằng cụm từ "dự án đầu tư kinh doanh điện lực" theo quy định tại khoản 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[78] Cụm từ "dự án đầu tư công trình năng lượng" được thay thế bằng cụm từ "dự án đầu tư kinh doanh điện lực" theo quy định tại khoản 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

	hiệu lực. 37.2. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại **BDL**. 37.3. Nhà đầu tư không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây: a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà đầu tư nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
38. Giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư, kết quả lựa chọn nhà đầu tư[79]	Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà đầu tư có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư, kết quả lựa chọn nhà đầu tư đến bên mời thầu, người có thẩm quyền, Hội đồng giải quyết kiến nghị (Hội đồng tư vấn) theo địa chỉ quy định tại **BDL**. Việc giải quyết kiến nghị trong đấu thầu được thực hiện theo quy định tại Điều 89 của Luật Đấu thầu và Điều 61b, Điều 61c, Điều 61d Nghị định số 115/2024/NĐ-CP.
39. Xử lý vi phạm trong hoạt động đấu thầu[80]	39.1. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đấu thầu và quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. 39.2. Ngoài việc bị xử lý theo quy định tại Mục 20.1 CDNĐT, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu còn bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư từ 06 tháng đến 05 năm. Thời gian cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, bao gồm cả cá nhân thuộc cơ quan có thẩm quyền, bên

[79] Mục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[80] Mục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

	mời quan tâm, bên mời thầu, tổ chuyên gia, tổ thẩm định: a) Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 03 năm đến 05 năm đối với một trong các hành vi vi phạm các khoản 1, 2, 4 và điểm a khoản 3 Điều 16 của Luật Đấu thầu; b) Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 01 năm đến 03 năm đối với một trong các hành vi vi phạm điểm c khoản 3; khoản 5 Điều 16 của Luật Đấu thầu; c) Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 06 tháng đến 01 năm đối với một trong các hành vi vi phạm các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 6 và khoản 7 Điều 16 của Luật Đấu thầu. 39.3. Đối với nhà đầu tư liên danh, việc cấm tham gia hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư quy định tại Mục 39.2 được thực hiện như sau: a) Chỉ cấm tham gia hoạt động đối với thành viên liên danh có hành vi vi phạm thuộc trường hợp quy định tại các điểm c khoản 3; khoản 4; các điểm b, c, d, đ khoản 5; các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 6; khoản 7 Điều 16 của Luật Đấu thầu; b) Cấm tham gia với tất cả thành viên liên danh khi một hoặc một số thành viên có hành vi vi phạm không thuộc trường hợp quy định tại điểm a mục này. 39.4. Thời hiệu áp dụng biện pháp cấm tham gia hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư quy định tại Mục 39.2 là 10 năm tính từ ngày xảy ra hành vi vi phạm. 39.5. Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được một trong các tài liệu sau: a) Văn bản đề nghị của bên mời thầu kèm theo các tài liệu chứng minh hành vi vi phạm; b) Kiến nghị tại kết luận thanh tra của cơ quan thanh tra, kết luận kiểm tra của đoàn kiểm tra; c) Kết quả giải quyết kiến nghị của Hội đồng giải quyết kiến nghị; d) Các văn bản khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong đó xác định hành vi vi phạm. 39.6. Quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu bao gồm các nội dung:

	a) Tên tổ chức, cá nhân vi phạm; b) Nội dung vi phạm, căn cứ pháp lý để xử lý vi phạm và thời gian cấm tương ứng với từng hành vi vi phạm; tổng thời gian cấm (trường hợp vi phạm từ 02 hành vi trở lên); phạm vi cấm; c) Hiệu lực thi hành quyết định.
40. Giám sát hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	40.1. Việc giám sát hoạt động lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 86 của Luật Đấu thầu được thực hiện lồng ghép với hoạt động giám sát dự án đầu tư hoặc giám sát tổng thể đầu tư của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, cơ quan đăng ký về đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư. 40.2. Thẩm quyền giám sát hoạt động đấu thầu thực hiện theo quy định tại **BDL**. 40.3. Nội dung giám sát lựa chọn nhà đầu tư: a) Công bố dự án đầu tư kinh doanh điện lực[81]; b) Lập, thẩm định và phê duyệt HSMT; c) Đánh giá HSDT; d) Thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư; đ) Kết quả đàm phán, hoàn thiện và ký kết hợp đồng. 40.4. Hết thời hạn hợp đồng, cơ quan có thẩm quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư giám sát dự án đầu tư hoặc giám sát tổng thể đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, bảo đảm nhà đầu tư thực hiện đầy đủ các cam kết trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư.
41. Triển khai thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất của	41.1. Nhà đầu tư trúng thầu, tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập tổ chức triển khai thực hiện dự án đầu tư kinh doanh điện lực[82] theo quy định tại hợp đồng, pháp luật về doanh nghiệp, đầu tư, xây dựng, đất đai, điện lực và pháp luật

[81] Cụm từ "dự án đầu tư công trình năng lượng" được thay thế bằng cụm từ "dự án đầu tư kinh doanh điện lực" theo quy định tại khoản 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[82] Cụm từ "dự án đầu tư công trình năng lượng" được thay thế bằng cụm từ "dự án đầu tư kinh doanh điện lực" theo quy định tại khoản 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

nhà đầu tư trúng thầu	khác có liên quan. 41.2. Nhà đầu tư trúng thầu hoặc tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập ứng vốn để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp quá thời hạn kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không ứng đủ vốn, nhà đầu tư không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 75 của Luật Đấu thầu. Trong trường hợp này, việc hoàn trả kinh phí cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mà nhà đầu tư trúng thầu đã ứng trước được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai. 41.3. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư kinh doanh điện lực[83], nhà đầu tư trúng thầu, tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập được chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án khi đáp ứng các điều kiện sau đây: a) Điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư; pháp luật về điện lực và pháp luật khác có liên quan; b) Điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 76 của Luật Đấu thầu. 41.4. Việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của các thành viên, cổ đông trong tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập trước khi dự án được khai thác, vận hành thì phải đáp ứng các điều kiện sau đây: a) Được người có thẩm quyền chấp thuận; b) [84] Nhà đầu tư nhận chuyển nhượng phải đáp ứng điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế, pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, đất đai, kinh doanh bất động sản và pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực; phải kế thừa quyền và nghĩa vụ thực hiện dự án đầu tư mà nhà đầu tư chuyển nhượng đã cam kết tại hồ sơ dự thầu và hợp đồng dự án;

[83] Cụm từ "dự án đầu tư công trình năng lượng" được thay thế bằng cụm từ "dự án đầu tư kinh doanh điện lực" theo quy định tại khoản 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[84] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

	c) Ngoài các điều kiện quy định tại điểm a và điểm b Mục này, nhà đầu tư nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của thành viên liên danh phải bảo đảm tỷ lệ vốn chủ sở hữu tối thiểu của từng thành viên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP. Kể từ khi dự án khai thác, vận hành, việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp được thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế mà không phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản này. 41.5. [85] Việc chuyển nhượng dự án đầu tư kinh doanh, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp trong tổ chức kinh tế theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 52 Nghị định 115/2024/NĐ-CP phải được quy định tại hợp đồng. Căn cứ quy định tại hợp đồng, người có thẩm quyền xem xét, chấp thuận đề nghị chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp trong tổ chức kinh tế. Trường hợp chấp thuận đề nghị chuyển nhượng, người có thẩm quyền giao bên mời thầu rà soát, sửa đổi, bổ sung nội dung hợp đồng. 41.6. Trường hợp việc chuyển nhượng dự án, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 52 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP dẫn đến điều chỉnh dự án đầu tư thì sau khi được người có thẩm quyền chấp thuận theo quy định tại khoản 5 Điều 52 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP, nhà đầu tư chuyển nhượng hoặc tổ chức kinh tế thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan trước khi sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án. 41.7. Trường hợp việc chuyển nhượng dự án, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp làm phát sinh nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật thì nhà đầu tư trúng thầu, tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước.

[85] Mục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

	41.8. Nhà đầu tư trúng thầu, tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập có quyền góp vốn, tăng vốn điều lệ để thực hiện dự án đầu tư kinh doanh khác (nếu có) nhưng không được làm ảnh hưởng đến các quyền và nghĩa vụ đã cam kết tại hồ sơ dự thầu và hợp đồng dự án. 41.9.[86] Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, trường hợp có yêu cầu phải điều chỉnh dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 76 của Luật Đấu thầu (trừ trường hợp quy định tại Mục 41.3 hoặc 41.4 CDNĐT) hoặc điều chỉnh dự án đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư dẫn đến thay đổi nội dung hợp đồng dự án, người có thẩm quyền giao bên mời thầu phối hợp với cơ quan đăng ký đầu tư tại địa phương hướng dẫn nhà đầu tư, tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đồng thời giao bên mời thầu yêu cầu nhà đầu tư cập nhật, cam kết bảo đảm đáp ứng năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện dự án, rà soát nội dung hợp đồng để sửa đổi, bổ sung sau khi dự án đầu tư được điều chỉnh.

[86] Mục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

CHƯƠNG II. BẢNG DỮ LIỆU

CDNĐT 1.1	Tên và địa chỉ của bên mời thầu: - Tên bên mời thầu: ___ *[ghi tên bên mời thầu]* - Đại diện: ___ *[ghi tên đầy đủ của người đại diện]* - Số nhà/số tầng/số phòng: __ *[ghi số nhà, số tầng, số phòng (nếu có)]* - Tên đường, phố: ___ *[ghi tên đường phố]* - Thành phố:___ *[ghi tên thành phố hoặc thị trấn]* - Số điện thoại: ___ *[ghi số điện thoại, gồm mã nước và mã thành phố]* - Số fax: ___ *[ghi số fax, gồm mã nước và mã thành phố]* - Địa chỉ e-mail: ___ *[ghi địa chỉ email (nếu có)]*
CDNĐT 1.2	Tổng vốn đầu tư ___ *[ghi tổng vốn đầu tư, gồm sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án và chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có) được bên mời thầu, tổ chuyên gia xác định đối với từng dự án cụ thể.]*
CDNĐT 1.3	Yêu cầu về vốn chủ sở hữu và vốn vay mà nhà đầu tư phải huy động: a) Vốn chủ sở hữu tối thiểu mà nhà đầu tư phải thu xếp: ___ *[ghi giá trị bằng số và bằng chữ, vốn chủ sở hữu tối thiểu không thấp hơn 15% tổng vốn đầu tư]*. b) Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng thu xếp tối thiểu: ___ *[ghi giá trị bằng số và bằng chữ]*.

CDNĐT 1.4	Thông tin cơ bản của dự án gồm: a) Tên dự án; mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư của dự án: _____ b) Tổng vốn đầu tư của dự án: _____ - Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án:_____ - Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có):_____ c) Địa điểm thực hiện dự án:_____ d) Mục đích sử dụng đất; Hiện trạng sử dụng đất:_____ đ) Diện tích khu đất thực hiện dự án:_____ e) Các chỉ tiêu quy hoạch:_____ g) Thời hạn, tiến độ thực hiện dự án; sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có); tiến độ thực hiện dự án theo từng giai đoạn (nếu có):_____ h) Tên bên mời thầu:_____ i) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà đầu tư:_____ k) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư:_____
CDNĐT 3.5	Kể từ ngày phát hành HSMT, nhà đầu tư tham dự thầu không có cổ phần hoặc phần vốn góp với nhà thầu tư vấn sau đây: - Tư vấn lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với dự án đầu tư có sử dụng đất thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, nếu có): ___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]* [(87)]; - Tư vấn lập hồ sơ đề xuất dự án (đối với dự án đầu tư có sử dụng đất không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]*[(1)]; - Tư vấn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]*[(1)]; - Tư vấn lập HSMT (nếu có): _____ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn];* - Tư vấn thẩm định HSMT (nếu có): _____ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn];* - Tư vấn đánh giá HSDT (nếu có):_____ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn];*

[(87)]Nội dung này không áp dụng đối với dự án do nhà đầu tư đề xuất. Trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất, bên mời thầu, tổ chuyên gia bỏ nội dung này khi lập HSMT.

	- Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]*.
CDNĐT 5.2	Thời hạn nhà đầu tư gửi văn bản đề nghị làm rõ là _____ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu *[ghi số ngày cụ thể, tối thiểu là 07 ngày làm việc đối với đấu thầu trong nước và 15 ngày đối với đấu thầu quốc tế]*.
CDNĐT 5.3 (b)	Hội nghị tiền đấu thầu: _____ *[ghi "sẽ" hoặc "sẽ không"]* được tổ chức. *[Trường hợp Hội nghị được tổ chức: ghi ngày, giờ, địa điểm tổ chức hội nghị]*
CDNĐT 5.4	Thời hạn đăng tải văn bản làm rõ HSMT là ___ ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu *[ghi số ngày cụ thể nhưng tối thiểu 02 ngày làm việc]*.
CDNĐT 6.1	Bên mời thầu: _____ *[ghi "sẽ" hoặc "sẽ không'']* tổ chức khảo sát hiện trường. *[Trường hợp bên mời thầu hướng dẫn nhà đầu tư đi khảo sát hiện trường thì ghi rõ thời gian, địa điểm]*.
CDNĐT 7.2	Thời hạn đăng tải quyết định sửa đổi HSMT là ____ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu *[ghi số ngày cụ thể, bảo đảm đủ thời gian để nhà đầu tư hoàn chỉnh HSDT và tối thiểu là 15 ngày đối với đấu thầu trong nước và 25 ngày đối với đấu thầu quốc tế]*.
CDNĐT 9	*[Căn cứ hình thức đấu thầu, ghi rõ ngôn ngữ của HSDT:* *- Đối với đấu thầu quốc tế:* *HSDT, các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDT trao đổi giữa nhà đầu tư với bên mời thầu được viết bằng:_____ [Trường hợp HSMT được viết bằng tiếng Anh thì ghi "Tiếng Anh"; HSMT được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi "Nhà đầu tư có thể lựa chọn tiếng Anh hoặc tiếng Việt để lập HSDT".]* *Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang: _____ [Trường hợp HSMT được viết bằng tiếng Anh thì ghi "Tiếng Anh"; HSMT được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi "Ngôn ngữ mà nhà đầu tư lựa chọn để lập HSDT"]. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư gửi bổ sung.* *- Đối với đấu thầu trong nước:* *HSDT cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDT*

	trao đổi giữa nhà đầu tư với bên mời thầu được viết bằng tiếng Việt. *Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư gửi bổ sung].*
CDNĐT 10.3	Nhà đầu tư phải nộp cùng với HSDT các tài liệu sau đây: ___ *[ghi cụ thể các nội dung cần thiết khác của HSDT ngoài các nội dung quy định tại Mục 10.1 CDNĐT và Mục 10.2 CDNĐT trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất của dự án và không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà đầu tư. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là "không áp dụng"].*
CDNĐT 12.1	Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư: a) Đối với nhà đầu tư độc lập, phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như sau: Bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với nhà đầu tư trong nước; tài liệu chứng minh đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài đối với nhà đầu tư nước ngoài. b) Đối với nhà đầu tư liên danh, phải cung cấp các tài liệu sau đây: - Các tài liệu nêu tại điểm a Mục này đối với từng thành viên liên danh; - Văn bản thỏa thuận liên danh giữa các thành viên theo Mẫu số 03 tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu.
CDNĐT 12.2 (a)	Đồng tiền dùng để đánh giá: ___ *[ghi cụ thể 01 loại đồng tiền. Đối với đấu thầu trong nước thì là "Đồng Việt Nam". Đối với đấu thầu quốc tế, khi đánh giá HSDT phải quy đổi về 01 loại tiền tệ; trường hợp trong số các đồng tiền đó có Đồng Việt Nam thì phải quy đổi về "Đồng Việt Nam"].* Trường hợp trong số các đồng tiền không có Đồng Việt Nam thì HSMT phải quy định về đồng tiền quy đổi, thời điểm và căn cứ xác định tỷ giá quy đổi như sau: - Đồng tiền quy đổi là: ___ *[ghi đồng tiền quy đổi dùng để đánh giá].* - Thời điểm xác định tỷ giá quy đổi là:___ *[ghi thời điểm xác định tỷ giá quy đổi].* - Căn cứ xác định tỷ giá quy đổi:____ *[ghi cách tính tỷ giá chéo (tỷ giá mua vào, bán ra của một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam)].*
CDNĐT 12.2	Nhà đầu tư phải nộp cùng với HSDT các tài liệu sau đây:___ *[ghi cụ thể các nội dung cần thiết khác của HSDT ngoài các nội dung quy định tại Mục 12.1*

(b)	*CDNĐT trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất của dự án và không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà đầu tư. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là "không áp dụng"].*
CDNĐT 13	Thành phần đề xuất về kỹ thuật của nhà đầu tư gồm nội dung đề xuất về phương án đầu tư kinh doanh: *[Căn cứ quy mô, tính chất cụ thể của dự án, bên mời thầu, tổ chuyên gia quy định nội dung đề xuất về phương án đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư, trong đó gồm:* *a) Về kỹ thuật* *- Thuyết minh về sự phù hợp của phương án đầu tư công trình dự án (gồm phạm vi, quy mô, sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, thời gian, tiến độ, phân kỳ đầu tư xây dựng công trình, sơ đồ tổ chức không gian và kiến trúc, cảnh quan đảm bảo đồng bộ với tổng thể công trình) với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch, xây dựng, điện lực và pháp luật có liên quan;* *- Thuyết minh về tính khả thi của giải pháp ứng dụng công nghệ (nếu có), phương án chuyển giao công nghệ (nếu có);* *- Thuyết minh về sự phù hợp với điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật về đầu tư;* *- Thuyết minh về sự phù hợp của phương án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (gồm vị trí công trình, tiến độ, sơ đồ tổ chức không gian, phân kỳ đầu tư xây dựng công trình và các thông số kỹ thuật chính) với quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản phê duyệt dự án đầu tư có sử dụng đất đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.* *- Thuyết minh về sự phù hợp đối với các thông số cơ bản của nhà máy điện theo từng loại hình nhà máy.* *b)*[88] *Về xã hội* *- Thuyết minh về phương án, chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai (nếu có).* *Trường hợp dự án có yêu cầu nhà đầu tư ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì hồ sơ mời thầu phải quy định*

[88] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

	nguyên tắc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai. Nhà đầu tư phải cam kết theo Mẫu số 8a Chương IV- Biểu mẫu dự thầu việc tự nguyện ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (ứng vốn để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư) theo yêu cầu trong HSMT của cơ quan có thẩm quyền trên cơ sở phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai; *- Thuyết minh về khả năng đóng góp phúc lợi xã hội cho người lao động tại địa phương thông qua việc sử dụng lao động tại địa phương, đào tạo nguồn nhân lực, mức thu nhập bình quân và tốc độ tăng thu nhập bình quân; hoạt động trợ giúp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội hoặc các hoạt động phúc lợi xã hội khác mà nhà đầu tư đóng góp cho địa phương, phù hợp với nhu cầu của địa phương nơi thực hiện dự án;* *- Thuyết minh đối với dự án đầu tư dự kiến triển khai trên quỹ đất có tài sản gắn liền với đất phải xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công là tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi là tài sản gắn liền với đất) thì việc bán tài sản gắn liền với đất cho nhà đầu tư hoặc nhà đầu tư phải hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất bị phá dỡ, hủy bỏ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công phải được quy định trong HSMT. Nhà đầu tư phải cam kết theo Mẫu số 8a Chương IV- Biểu mẫu dự thầu việc nộp giá trị của tài sản gắn liền với đất được xác định tại HSMT.* *c) Về môi trường* *Bên mời thầu, tổ chuyên gia xác định một hoặc các tiêu chí sau đây để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về môi trường trong hồ sơ mời thầu phù hợp với yêu cầu thực hiện dự án:* *- Thuyết minh về sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ cung cấp với quy định của pháp luật về môi trường; phương án giảm phát sinh chất thải, thúc đẩy sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường;* *- Giải pháp về bảo vệ môi trường, sản xuất sạch, tiết kiệm năng lượng;* *- Thuyết minh về chỉ tiêu sử dụng đất, hệ số sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng; yêu cầu về việc sử dụng tài nguyên theo quy định của pháp luật; khả năng bảo tồn đa dạng sinh học, cải thiện đất, tài nguyên, hệ sinh thái tự nhiên*

	tại khu vực thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; *- Giải pháp giảm thiểu tác động xấu tới môi trường, phương án chuyển giao và áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất (đối với dự án thuộc nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường).]*
CDNĐT 15.1[89]	Thành phần đề xuất về tài chính của nhà đầu tư gồm: *[Căn cứ quy mô, tính chất cụ thể của dự án, bên mời thầu, tổ chuyên gia quy định nội dung đề xuất về hiệu quả phát triển ngành điện của nhà đầu tư là mức trần giá điện hoặc giá trị tối thiểu bằng tiền nộp ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định của pháp luật về điện lực.]*
CDNĐT 16.1	Đồng tiền dự thầu là: _____ *- Đối với đấu thầu trong nước: đồng tiền dự thầu là Đồng Việt Nam.* *- Đối với đấu thầu quốc tế, căn cứ theo yêu cầu của dự án, nhà đầu tư được chào theo một hoặc một số đồng tiền khác nhau gồm: [ghi cụ thể 02 hoặc 03 loại tiền tệ, ví dụ: VND, USD, EUR.]*
CDNĐT 17.1	- Hình thức bảo đảm dự thầu: ____ *[ghi một trong các hình thức: Đặt cọc; Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam; Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.* *Đối với trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức thư bảo lãnh thì ghi như sau: "Nhà đầu tư được nộp thư bảo lãnh để bảo đảm trách nhiệm khi tham dự thầu. Thư bảo lãnh phải được lập theo Mẫu số 10 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu hoặc theo một hình thức khác tương tự nhưng phải bao gồm đầy đủ các nội dung cơ bản của bảo lãnh dự thầu."]* - Giá trị bảo đảm dự thầu là ___ *[ghi giá trị và đồng tiền cụ thể, bảo đảm giá trị bảo đảm dự thầu từ 0,5% đến 1,5% tổng vốn*

[89] Mục này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 6 năm 2025.

	đầu tư của dự án]. - Thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu là___ ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu *[ghi số ngày bằng thời gian có hiệu lực của HSDT cộng thêm 30 ngày]*
CDNĐT 17.4	Bên mời thầu có trách nhiệm hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu của nhà đầu tư không được lựa chọn trong thời hạn ___ ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà đầu tư được phê duyệt *[ghi số ngày cụ thể nhưng không quá 14 ngày].* Trường hợp nhà đầu tư từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu khi bên mời thầu yêu cầu do gia hạn thời gian có hiệu lực của HSDT thì bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà đầu tư trong thời hạn ___ ngày kể từ ngày bên mời thầu nhận được văn bản từ chối gia hạn *[ghi số ngày cụ thể nhưng không quá 14 ngày].*
CDNĐT 18.1	Thời gian có hiệu lực của HSDT là ___ ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu *[ghi cụ thể số ngày phù hợp, bảo đảm tiến độ thực hiện các công việc theo Bảng theo dõi tiến độ trong lựa chọn nhà đầu tư đã được người có thẩm quyền phê duyệt].*
CDNĐT 19.1	- Số lượng bản chụp HSDT là: ___ *[ghi số lượng bản chụp cần thiết].*
CDNĐT 21.1	- Thời điểm đóng thầu là: __ giờ__ phút, ngày__tháng__năm__ *[ghi thời điểm đóng thầu bảo đảm quy định thời gian từ ngày đầu tiên phát hành HSMT đến ngày có thời điểm đóng thầu tối thiểu là 45 ngày đối với đấu thầu trong nước, 60 ngày đối với đấu thầu quốc tế và không ghi thời điểm đóng thầu vào đầu giờ làm việc của một ngày để không làm hạn chế nhà đầu tư nộp HSDT].* - HSMT có mức giá bán (bao gồm cả thuế) là: ____ *[ghi "miễn phí" đối với đấu thầu trong nước; ghi mức giá bán bộ HSMT bản điện tử, bảo đảm không quá 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng đối với đấu thầu quốc tế].*
CDNĐT 25.1	Thời hạn nhà đầu tư được phép chủ động gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực [90] là _____ ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu *[căn cứ tiến độ của dự*

[90] Cụm từ "và kinh nghiệm" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 16 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

	án, thời gian đánh giá, bên mời thầu quy định thời gian nhà đầu tư được tự gửi tài liệu làm rõ cho phù hợp].
CDNĐT 28.1	Thời điểm mở HSDT là: __ giờ__ phút, ngày__tháng __năm __ *[ghi thời điểm mở thầu bảo đảm bắt đầu ngay trong vòng 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu]* tại địa điểm mở thầu theo địa chỉ như sau: - Số nhà/số tầng/số phòng: _____ - Tên đường, phố: _____ - Thành phố: _____
CDNĐT 29.2 (a)[91]	Điểm năng lực, [92] : _____ điểm *[ghi số điểm cụ thể, bảo đảm chiếm tỷ trọng từ 5% đến 10% tổng số điểm].*
CDNĐT 29.2 (b)[93]	Điểm phương án đầu tư kinh doanh: _____ điểm *[ghi số điểm cụ thể, bảo đảm chiếm tỷ trọng từ 5% đến 10% tổng số điểm]*
CDNĐT 29.2 (c)[94]	Điểm hiệu quả đầu tư phát triển ngành điện: ____ điểm *[ghi số điểm cụ thể, bảo đảm chiếm tỷ trọng từ 80% đến 90% tổng số điểm].*
CDNĐT 30.1	Việc sửa lỗi được thực hiện trên cơ sở các nguyên tắc sau đây: a) Lỗi số học gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá hàng hóa, dịch vụ hoặc giá trị nộp ngân sách nhà nước hoặc các tiêu chuẩn, tiêu chí tài chính khác.

[91] Tên mục "**CDNĐT 29.4 (a)**" này được thay thế bằng "**CDNĐT 29.2 (a)**" theo quy định tại điểm a khoản 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[92] Cụm từ "kinh nghiệm" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 16 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[93] Tên mục "**CDNĐT 29.4 (b)**" này được thay thế bằng "**CDNĐT 29.2 (b)**" theo quy định tại điểm b khoản 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[94] Tên mục "**CDNĐT 29.4 (c)**" này được thay thế bằng "**CDNĐT 29.2 (c)**" theo quy định tại điểm c khoản 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

	b) Lỗi nhầm đơn vị: - Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMT; - Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. c) Các lỗi khác: - Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý; - Nếu có sự khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất về kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất về tài chính thì nội dung thuộc đề xuất về kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi.
CDNĐT 30.2	*Căn cứ tính chất, quy mô của dự án, bên mời thầu, tổ chuyên gia xác định một số nội dung liên quan đến yêu cầu đầu ra tổng thể của việc thực hiện dự án (như quy mô công suất…) và giới hạn tỷ lệ sai lệch tương ứng để làm cơ sở hiệu chỉnh.*
CDNĐT 31.2	Tài liệu chứng minh: ___ *[ghi tài liệu chứng minh theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, chuyển giao công nghệ, bảo vệ môi trường, pháp luật khác có liên quan]*.
CDNĐT 37.1	a) Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng*:* ___ *[bên mời thầu, tổ chuyên gia lựa chọn một trong các hình thức:* *- Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;* *- Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Đối với trường hợp quy định bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh thì ghi như sau: "Nhà đầu tư được nộp thư bảo lãnh để bảo đảm trách nhiệm thực hiện hợp đồng. Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng được lập theo Mẫu số 15 Phần 3 – Dự thảo hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng của HSMT hoặc một mẫu khác nhưng phải gồm đầy đủ các nội dung cơ bản của bảo đảm thực hiện hợp đồng được người có thẩm quyền chấp thuận".]* b) Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là ___ *[ghi giá trị và đồng tiền cụ thể căn cứ quy mô, tính chất của dự án đầu tư có sử dụng đất, bảo đảm giá trị bảo đảm dự thầu từ 1% đến 3% tổng vốn đầu tư]*.

	c) Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực là ___ ngày kể từ ngày hợp đồng được ký chính thức cho đến ngày chấm dứt hợp đồng *[ghi thời hạn cụ thể, căn cứ quy mô, tính chất của dự án mà quy định thời hạn này]*.
CDNĐT 37.2	- Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: ___ *[ghi cụ thể thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ quy mô, tính chất của dự án và quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của dự án.* *Ví dụ: Bên mời thầu sẽ hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà đầu tư ngay sau khi kết thúc hợp đồng.* *hoặc* *Bên mời thầu sẽ hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà đầu tư không chậm hơn ____ ngày kể từ khi kết thúc hợp đồng.* *hoặc* *Bên mời thầu sẽ hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà đầu tư theo từng phân kỳ căn cứ thỏa thuận tại hợp đồng dự án trên cơ sở phân kỳ tiến độ được phê duyệt tại quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư]*.
CDNĐT 38	Địa chỉ nhận đơn kiến nghị: a) Địa chỉ của bên mời thầu: _____ *[ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ của bên mời thầu]*. b) Địa chỉ của người có thẩm quyền: ____ *[ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ của người đứng đầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ ký kết hợp đồng dự án]*. c) Địa chỉ của bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn: _____ *[ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ của bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn]*.
CDNĐT 40.2[95]	Thẩm quyền giám sát hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư là: ___ *[ghi cụ thể tên người có thẩm quyền theo một trong hai trường hợp sau:* *- Đối với dự án do Bộ trưởng Bộ Công Thương, Trưởng Ban quản lý khu kinh tế là người có thẩm quyền hoặc thuộc lĩnh vực quản lý, ghi cụ thể là: "Bộ trưởng Bộ Công Thương, Trưởng Ban quản lý khu kinh tế chủ trì, tổ chức giám sát hoạt động đấu*

[95] Mục này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 06 năm 2025.

	thầu lựa chọn nhà đầu tư"; *- Đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là người có thẩm quyền trên địa bàn quản lý, ghi cụ thể là: "Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, tổ chức giám sát hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Sở Tài chính chịu trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức giám sát hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư tại địa phương mình".]*

CHƯƠNG III. ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT

1.1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSDT

a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDT;

b) Kiểm tra các thành phần của HSDT, bao gồm: Đơn dự thầu, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền ký đơn dự thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu (nếu có); tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực [96] của nhà đầu tư; nội dung đề xuất về phương án đầu tư kinh doanh; nội dung đề xuất về hiệu quả đầu tư phát triển ngành điện; các thành phần khác thuộc HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNĐT;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDT.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDT

HSDT của nhà đầu tư được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Có bản gốc HSDT;

b) Có đơn dự thầu hợp lệ, được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Đơn dự thầu được coi là không hợp lệ nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có), không được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) đối với trường hợp liên danh;

- Được ký trước khi bên mời thầu phát hành HSMT, ký trước khi có giấy ủy quyền ký đơn dự thầu (nếu có), ký trước khi ký thỏa thuận liên danh đối với trường hợp liên danh;

---

[96] Cụm từ "và kinh nghiệm" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 16 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

- Kèm theo điều kiện gây bất lợi cho cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu hoặc bỏ sót các nội dung quan trọng nêu trong Mẫu đơn dự thầu dẫn đến không bảo đảm toàn bộ trách nhiệm và cam kết của nhà đầu tư trong quá trình dự thầu và thực hiện hợp đồng nếu được công nhận trúng thầu.

c) Thời hạn hiệu lực của HSDT đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 18 CDNĐT;

d) Nhà đầu tư không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà đầu tư độc lập hoặc thành viên trong liên danh;

đ) Có bảo đảm dự thầu với giá trị và thời hạn hiệu lực đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 17.1 CDNĐT. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không phải là bản gốc và không được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có);

- Được ký trước khi bên mời thầu phát hành HSMT, ký trước khi có giấy ủy quyền ký thư bảo lãnh dự thầu (nếu có), ký trước khi ký thỏa thuận liên danh đối với trường hợp liên danh;

- Có giá trị bảo lãnh thấp hơn, thời hạn có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu của HSMT; tên, địa chỉ của đơn vị thụ hưởng bảo lãnh không đúng theo yêu cầu của HSMT;

- Kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu; bỏ sót nội dung quan trọng nêu trong Mẫu thư bảo lãnh dự thầu dẫn đến không bảo đảm toàn bộ trách nhiệm của nhà đầu tư trong quá trình tham dự thầu hoặc dẫn đến bên mời thầu không thu được giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 14 của Luật Đấu thầu;

e) Trường hợp liên danh, có thỏa thuận liên danh hợp lệ, được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Thỏa thuận liên danh phải nêu rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu;

g) Nhà đầu tư không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

h) Nhà đầu tư bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 CDNĐT.

Nhà đầu tư có HSDT được coi là "Hợp lệ" khi tất cả điều kiện được đánh giá là "Đáp ứng". HSDT của nhà đầu tư được coi là "Không hợp lệ" khi bất kỳ một điều kiện được đánh giá là "Không đáp ứng" và khi đó, HSDT của nhà đầu tư sẽ bị loại. Nhà đầu tư có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Mục 2. Đánh giá về năng lực[97]

2.1. Phương pháp đánh giá

2.1.1. Việc đánh giá về năng lực sử dụng phương pháp chấm điểm.

Điểm tối thiểu của tiêu chuẩn, tiêu chuẩn chi tiết về năng lực không thấp hơn ___ % điểm tối đa của tiêu chuẩn đó *[ghi giá trị % nhưng không thấp hơn 60%]*.

Điểm tối thiểu của từng tiêu chí về năng lực là ___ % điểm tối đa của tiêu chí đó *[ghi giá trị % nhưng không thấp hơn 50%]*.

2.1.2. Đối với nhà đầu tư liên danh:

a) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh, từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu tương ứng với phần góp vốn chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh. Nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 30%, từng thành viên liên danh có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 15%;

b) Vốn vay của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn vay của các thành viên liên danh;

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá

Đối với dự án đầu tư kinh doanh đã thực hiện thủ tục mời quan tâm và có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm, tiêu chuẩn đánh giá về năng lực trong HSMT phải được cập nhật, bổ sung căn cứ hồ sơ mời quan tâm được phê duyệt và các văn bản là căn cứ phê duyệt HSMT.

2.2.1. Việc đánh giá về năng lực của nhà đầu tư được thực hiện theo Bảng số 01 dưới đây:

Bảng số 01

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết(1)	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
I. Năng lực tài chính, khả năng thu xếp vốn						
1.1	Vốn chủ sở hữu				Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà	Mẫu

[97] Mục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

					đầu tư phải thu xếp[2]: _____ *[ghi giá trị vốn chủ sở hữu tối thiểu của nhà đầu tư bằng số và bằng chữ theo quy định tại Mục 1.3 BDL, vốn chủ sở hữu tối thiểu không thấp hơn 15% tổng vốn đầu tư].*	số 06
1.2	Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng huy động[3]				Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng huy động tối thiểu là:___ *[ghi giá trị theo quy định tại Mục 1.3 BDL]*	Mẫu số 06, số 07
1.3	Các chỉ tiêu tài chính khác (nếu có)					

Ghi chú:

(1) Bên mời thầu, tổ chuyên gia quy định chi tiết thang điểm đánh giá đối với từng tiêu chí.

(2) Yêu cầu về vốn chủ sở hữu được xác định trên cơ sở tổng vốn đầu tư (gồm sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có)).

Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào:

- Kết quả báo cáo tài chính hoặc kết quả báo cáo đối với khoản mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán thực hiện trong năm; trường hợp không có kết quả báo cáo tài chính hoặc kết quả báo cáo đối với khoản mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán thực hiện trong năm thì dùng kết quả báo cáo tài chính hoặc kết quả báo cáo đối với khoản mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán của năm liền trước theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về kiểm toán, pháp luật về kế toán;

- Đối với doanh nghiệp thành lập và hoạt động chưa đủ 12 tháng thì vốn chủ sở hữu được xác định theo vốn điều lệ đã góp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), nhà đầu tư kê khai danh sách các dự án đang được đầu tư và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm đáp ứng đủ toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

Tại thời điểm ký kết hợp đồng dự án, nhà đầu tư trúng thầu có trách nhiệm nộp cho cơ quan có thẩm quyền các tài liệu chứng minh năng lực tài chính.

Nhà đầu tư phải kê khai thông tin, cung cấp các tài liệu về năng lực tài chính theo Mẫu số 06 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu và cung cấp cam kết về việc huy động vốn chủ sở hữu theo Mẫu số 07 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu.

(3) Nhà đầu tư phải cung cấp cam kết huy động vốn vay theo Mẫu số 07 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu. Nhà đầu tư nộp kèm theo văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng đối với phần nghĩa vụ tài chính còn lại (ngoài vốn chủ sở hữu) thuộc trách nhiệm huy động của nhà đầu tư.

Mục 3. Đánh giá về phương án đầu tư kinh doanh, hiệu quả đầu tư phát triển ngành điện

3.1. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá HSDT sử dụng phương pháp chấm điểm. Khi đánh giá HSDT, nhà đầu tư phải đáp ứng điểm tối thiểu sau đây để được đánh giá xếp hạng:

a) Điểm tối thiểu của tiêu chuẩn, tiêu chuẩn chi tiết về phương án đầu tư kinh doanh không thấp hơn ___ % điểm tối đa của tiêu chuẩn đó *[ghi giá trị nhưng không thấp hơn 60%];*

b) Điểm tối thiểu của tiêu chuẩn, tiêu chuẩn hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương không thấp hơn ___ % điểm tối đa của tiêu chuẩn đó *[ghi giá trị nhưng không thấp hơn 60%];*

c) Điểm tối thiểu của từng tiêu chí không thấp hơn ___ % điểm tối đa của tiêu chí đó *[ghi giá trị % nhưng không thấp hơn 50%]*.

3.2. Tiêu chuẩn đánh giá về phương án đầu tư kinh doanh

[Khi lập HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia phải xác định tiêu chuẩn đánh giá về phương án đầu tư kinh doanh phù hợp với ngành điện, quy mô, đặc điểm, tính chất của dự án, gồm các nội dung sau:

3.2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

a) Yêu cầu về sự phù hợp của phương án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (gồm phạm vi, quy mô, sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, thời gian, tiến độ, phân kỳ đầu tư xây dựng công trình, sơ đồ tổ chức không gian và kiến trúc, cảnh quan đảm bảo đồng bộ với tổng thể công trình) với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch, xây dựng, quản lý ngành, lĩnh vực và pháp luật có liên quan;

b) Yêu cầu về tính khả thi của giải pháp ứng dụng công nghệ do nhà đầu tư đề xuất (nếu có); yêu cầu về chuyển giao công nghệ (nếu có);

c) Yêu cầu về sự phù hợp với điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật về đầu tư; yêu cầu về phương án tổ chức vận hành, kinh doanh (nếu có);

d) Yêu cầu về sự phù hợp của phương án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (gồm vị trí công trình, quy mô, tiến độ, sơ đồ tổ chức không gian, phân kỳ đầu tư xây dựng công trình và các thông số kỹ thuật chính) với quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản phê duyệt dự án đầu tư có sử dụng đất đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.

đ) Yêu cầu về sự phù hợp đối với các thông số cơ bản của nhà máy điện theo từng loại hình nhà máy.

Bảng các thông số cơ bản của nhà máy điện cần có được quy định tại bảng sau:

STT	**Hạng mục**	**Điện sử dụng khí thiên nhiên, LNG**	**Thủy điện**	**Điện mặt trời**	**Điện gió**	**Điện sinh khối**
1	Công nghệ phát điện	x	x	x	x	x
2	Công suất tổ máy	x	x	x	x	x
3	Số tổ máy	x	x	x	x	x
4	Công suất tinh tổ máy	x	x	x	x	x
5	Tỷ lệ điện tự dùng tổ máy, tổn thất MBA	x	x	x	x	x
6	Hiệu suất tinh tổ máy/tấm pin	x		x		
7	Công suất phát tối đa	x	x	x	x	x
8	Công suất phát tối thiểu	x	x	x	x	x
9	Chủng loại nhiên liệu chính	x				
10	Chủng loại nhiên liệu phụ	x				
11	Suất hao tinh nhiên liệu chính	x				

12	Suất hao tinh nhiên liệu phụ	x				

x: là yêu cầu bắt buộc phải có đối với nhà máy điện trong hồ sơ mời thầu

3.2.2.[98] *Tiêu chuẩn đánh giá về xã hội:*

a) Yêu cầu về phương án, chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai (nếu có)

Trường hợp dự án có yêu cầu nhà đầu tư ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì hồ sơ mời thầu phải quy định nguyên tắc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai. Nhà đầu tư phải cam kết theo Mẫu số 8a Chương IV- Biểu mẫu dự thầu việc tự nguyện ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (ứng vốn để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư) theo yêu cầu trong HSMT của cơ quan có thẩm quyền trên cơ sở phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Yêu cầu về khả năng đóng góp phúc lợi xã hội cho người lao động tại địa phương thông qua việc sử dụng lao động địa phương, đào tạo nguồn nhân lực, mức thu nhập bình quân và tốc độ tăng thu nhập bình quân; hoạt động trợ giúp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội hoặc các hoạt động phúc lợi xã hội khác mà nhà đầu tư đóng góp cho địa phương, phù hợp với nhu cầu của địa phương nơi thực hiện dự án;

c) Yêu cầu đối với dự án đầu tư dự kiến triển khai trên quỹ đất có tài sản gắn liền với đất phải xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công là tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi là tài sản gắn liền với đất) thì việc bán tài sản gắn liền với đất cho nhà đầu tư hoặc nhà đầu tư phải hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất bị phá dỡ, hủy bỏ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công phải được quy định trong HSMT. Nhà đầu tư phải cam kết theo Mẫu số 8a Chương IV- Biểu mẫu dự thầu việc nộp giá trị của tài sản gắn liền với đất được xác định tại HSMT.

3.2.3. Tiêu chuẩn đánh giá về môi trường:

Bên mời thầu, tổ chuyên gia xác định một hoặc các tiêu chí sau đây để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về môi trường trong hồ sơ mời thầu phù hợp với yêu cầu thực hiện dự án:

---

[98] Mục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

a) Yêu cầu về sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ cung cấp với quy định của pháp luật về môi trường; ưu tiên giảm phát sinh chất thải, thúc đẩy sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường;

b) Yêu cầu về bảo vệ môi trường, sản xuất sạch, tiết kiệm năng lượng;

c) Yêu cầu về chỉ tiêu sử dụng đất, hệ số sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng; yêu cầu về việc sử dụng tài nguyên theo quy định của pháp luật; khả năng bảo tồn đa dạng sinh học, cải thiện đất, tài nguyên, hệ sinh thái tự nhiên tại khu vực thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

d) Yêu cầu áp dụng giải pháp giảm thiểu tác động xấu tới môi trường, ưu tiên chuyển giao và áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất (đối với dự án thuộc nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường).]

3.3. Tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả đầu tư phát triển ngành điện[99]

[Khi lập HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia phải xác định tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả đầu tư phát triển ngành điện, cụ thể như sau:

3.3.1. Bên mua điện có trách nhiệm nêu rõ các nội dung nhà đầu tư không được đề xuất sai lệch cơ bản trong dự thảo hợp đồng mua bán điện và được thống nhất với cơ quan quyết định tổ chức đấu thầu.

3.3.2. Đối với dự án có khung giá phát điện do Bộ Công Thương ban hành, tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả phát triển ngành điện là giá điện, thực hiện như sau:

a) Mức trần giá điện trong hồ sơ mời thầu là mức giá tối đa của khung giá phát điện tương ứng loại hình nhà máy điện do Bộ Công Thương ban hành tại năm đấu thầu;

b) Yêu cầu nhà đầu tư đề xuất giá điện với các thành phần giá điện tương ứng với thành phần tính toán khung giá phát điện theo quy định của loại hình nhà máy điện tương ứng; Giá điện do nhà đầu tư đề xuất trong hồ sơ dự thầu không cao hơn mức trần giá điện được quy định tại hồ sơ mời thầu.

Đối với thành phần chi phí biến đổi của các nhà máy nhiệt điện, nhà đầu

---

[99] Mục này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 6 năm 2025.

tư được yêu cầu chào các yếu tố để tính toán chi phí biến đổi tương ứng với các thành phần tính toán khung giá phát điện theo quy định. Trong đó, nhà đầu tư được yêu cầu chào rõ giá nhiên liệu chính tại năm đấu thầu bao gồm đầy đủ các yếu tố theo quy định tính toán khung giá phát điện tương ứng, tương ứng với sản lượng điện hợp đồng dài hạn bên mua điện cam kết với bên bán điện theo quy định tại dự thảo hợp đồng mua bán điện trong Hồ sơ mời thầu;

c)[100] *Giá điện trúng thầu là giá điện tối đa để Bên mua điện đàm phán giá hợp đồng mua bán điện; giao kết hợp đồng mua bán điện với nhà đầu tư trúng thầu theo quy định của pháp luật hiện hành.*

Việc đàm phán giá hợp đồng mua bán điện được thực hiện trên cơ sở những nội dung quy định về phương pháp xác định giá dịch vụ phát điện do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành

Đối với thành phần chi phí biến đổi của các nhà máy nhiệt điện, giá nhiên liệu chính tại năm cơ sở trong hợp đồng mua bán điện không cao hơn giá nhiên liệu chính được nhà đầu tư chào trong Hồ sơ dự thầu.

Giá hợp đồng mua bán điện của nhà máy điện năm cơ sở để so với giá điện trúng thầu được tính toán trên cơ sở các thành phần chi phí tương ứng với thành phần chi phí tính toán khung giá phát điện.

d) Quy định đánh giá về giá điện sang điểm đánh giá hồ sơ dự thầu như sau:

Nhà đầu tư chào mức giá điện thấp nhất sẽ được đánh giá điểm tối đa trong tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả phát triển ngành điện.

Việc quy đổi giá điện sang điểm đánh giá sẽ được quy định cụ thể trong hồ sơ mời thầu và do cơ quan quyết định tổ chức đấu thầu quyết định phù hợp với đặc thù của từng dự án, đảm bảo chi phí mua điện của dự án là tối ưu nhất.

3.3.3. Đối với dự án đầu tư kinh doanh điện lực không có khung giá do Bộ Công Thương ban hành (bao gồm: dự án nhà máy điện năng lượng tái tạo nhỏ áp dụng giá điện theo biểu giá chi phí tránh được; dự án nhà máy điện áp dụng cơ chế giá mua điện tại các văn bản của cấp có thẩm quyền), thực hiện như sau:

a) Tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả phát triển ngành điện là giá trị tối thiểu bằng tiền nộp ngân sách nhà nước hằng năm. Nhà đầu tư đề xuất giá trị này trong hồ sơ dự thầu không thấp hơn mức tối thiểu quy định tại hồ sơ mời thầu;

b) Giá trị quy định tại điểm a khoản này độc lập với nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

---

[100] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 14 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

c) Việc nộp vào ngân sách nhà nước giá trị quy định tại điểm a khoản này được thực hiện như sau: giá trị bằng tiền nộp ngân sách nhà nước hằng năm được xác định căn cứ giá trị do nhà đầu tư đề xuất tại hồ sơ dự thầu; hình thức, tiến độ và thời hạn nộp giá trị quy định tại điểm a khoản này được quy định cụ thể tại hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh.

d) Quy định đánh giá về giá trị bằng tiền nộp ngân sách nhà nước hằng năm sang điểm đánh giá hồ sơ dự thầu theo nguyên tắc sau:

Nhà đầu tư chào mức giá trị bằng tiền nộp ngân sách nhà nước hằng năm cao nhất sẽ được đánh giá điểm tối đa trong tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả phát triển ngành điện.

Việc quy đổi giá trị bằng tiền nộp ngân sách nhà nước hằng năm sang điểm đánh giá sẽ được quy định cụ thể trong hồ sơ mời thầu và do cơ quan quyết định tổ chức đấu thầu quyết định phù hợp với đặc thù của từng dự án].

Mục 4. Điểm tổng hợp

1. Điểm tổng hợp được xác định trên cơ sở tổng số điểm về năng lực, [101], phương án đầu tư kinh doanh, hiệu quả đầu tư phát triển ngành điện theo tỷ trọng tương ứng của từng tiêu chuẩn được quy định tại HSMT, bảo đảm tổng ty trọng là 100%.

2. Điểm tổng hợp được xác định theo công thức sau:

$$T = T_1 + T_2 + T_3$$

Trong đó:

T1 = điểm năng lực, [102];

T2 = điểm phương án đầu tư kinh doanh;

T3 = điểm hiệu quả đầu tư phát triển ngành điện.

3. Nhà đầu tư phải đáp ứng điểm tối thiểu sau đây để được đánh giá, xếp hạng:

a) Điểm tổng hợp tối thiểu không được thấp hơn ...% tổng số điểm *[ghi giá trị % nhưng không thấp hơn 70%];*

b) Điểm tối thiểu của tiêu chuẩn chi tiết về năng lực, [103] không thấp hơn

---

[101] Cụm từ "kinh nghiệm" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 16 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[102] Cụm từ "và kinh nghiệm" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 16 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

...% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó *[ghi giá trị % nhưng không thấp hơn 60%];*

c) Điểm tối thiểu của tiêu chuẩn chi tiết về phương án đầu tư kinh doanh không thấp hơn ...% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó *[ghi giá trị % nhưng không thấp hơn 60%];*

d) Điểm tối thiểu của tiêu chuẩn chi tiết về hiệu quả đầu tư phát triển ngành điện không thấp hơn ...% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó *[ghi giá trị % nhưng không thấp hơn 50%]*.

4. Nhà đầu tư đáp ứng điểm tối thiểu của từng tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 Mục này và có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.

5.[104] Trường hợp sau khi đánh giá hồ sơ dự thầu mà có từ hai nhà đầu tư trở lên có điểm tổng hợp cao nhất và ngang nhau thì ưu tiên nhà đầu tư có kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự theo nguyên tắc sau:

a) Bên mời thầu yêu cầu các nhà đầu tư nộp tài liệu chứng minh kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự. Trường hợp nhà đầu tư đã nộp tài liệu chứng minh kinh nghiệm kèm theo hồ sơ dự thầu thì cập nhật hoặc bổ sung tài liệu.

b) Bên mời thầu xem xét, đánh giá để xác định nhà đầu tư có kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự cao hơn.

c) Nhà đầu tư có kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự cao hơn được xem xét, đề nghị trúng thầu.

6. [105] Trường hợp các nhà đầu tư có kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự được đánh giá ngang nhau thì nhà đầu tư có điểm cao hơn về hiệu quả đầu tư phát triển ngành điện được được xem xét, đề nghị trúng thầu.

---

[103] Cụm từ "kinh nghiệm" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 16 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[104] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 15 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[105] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 15 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

CHƯƠNG IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU

1. Mẫu số 01: Đơn dự thầu
2. Mẫu số 02: Giấy uỷ quyền
3. Mẫu số 03: Thoả thuận liên danh
4. Mẫu số 04: Thông tin về nhà đầu tư
5. Mẫu số 05: Các đối tác cùng thực hiện dự án
6. Mẫu số 06: Năng lực tài chính của nhà đầu tư
7. Mẫu số 07: Cam kết nguồn cung cấp tài chính, tín dụng cho nhà đầu tư
8. Mẫu số 08:[106] *(được bãi bỏ)*

   Mẫu số 08a:[107] Cam kết tự nguyện ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, nộp giá trị của tài sản gắn liền với đất
9. Mẫu số 09: Đề xuất về kỹ thuật
10. Mẫu số 10: Bảo lãnh dự thầu
11. Mẫu số 11:[108] *(được bãi bỏ)*
12. Mẫu số 12: Đề xuất về tài chính

---

[106] Mẫu số 08 được bãi bỏ theo quy định tại khoản 18 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[107] Mẫu số 08a được bổ sung theo quy định tại khoản 18 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[108] Mẫu số 11 được bãi bỏ theo quy định tại khoản 20 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Mẫu số 01

ĐƠN DỰ THẦU[1]

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm ___

Kính gửi: ___ *[ghi tên bên mời thầu]*

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu của dự án ___ *[ghi tên dự án]* do _____ *[ghi tên bên mời thầu]* (sau đây gọi tắt là Bên mời thầu) phát hành ngày ___ *[ghi ngày bắt đầu phát hành hồ sơ mời thầu cho nhà đầu tư]* và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số ___ ngày___ *[ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có]*, chúng tôi, ___ *[ghi tên nhà đầu tư]* cam kết thực hiện dự án nêu trên theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Chúng tôi nộp đơn dự thầu với dự án nêu trên và cam kết thực hiện đề xuất về tài chính với nội dung sau:

- ___*[ghi nội dung thông tin đề xuất: mức giá điện và nguyên tắc xác định giá điện.]*

Chúng tôi sẵn sàng cung cấp cho Bên mời thầu bất kỳ thông tin bổ sung, làm rõ cần thiết nào khác theo yêu cầu của Bên mời thầu.

Chúng tôi cam kết[2]:

1. Chỉ tham gia trong một về hồ sơ dự thầu này với tư cách là nhà đầu tư độc lập, thành viên liên danh.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở các hành vi vi phạm khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự dự án này.

5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là chính xác, trung thực.

6. Tổ chức kinh tế được chúng tôi thành lập để thực hiện dự án sau khi trúng thầu sẽ kế thừa quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư trúng thầu theo cam kết tại hồ sơ dự thầu và quy định tại hợp đồng dự án và thực hiện nghĩa vụ tài chính về nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai[4].

7. Chúng tôi đồng ý và cam kết chịu mọi trách nhiệm liên quan đối với tất cả các nghĩa vụ của nhà đầu tư trong quá trình đấu thầu.

Hồ sơ dự thầu này có hiệu lực trong thời gian___ngày *[ghi số ngày]*[5], kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư [6]

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)[7]]

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư lưu ý ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời thầu, nhà đầu tư, thời gian có hiệu lực của HSDT.

(2) Trường hợp phát hiện nhà đầu tư vi phạm các cam kết này thì nhà đầu tư bị coi là có hành vi gian lận, HSDT bị loại và nhà đầu tư sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định.

(3) Không áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư không thành lập tổ chức kinh tế để triển khai dự án.

(4) Thời gian có hiệu lực của HSDT được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMT. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được tính là 01 ngày.

(5) Đối với nhà đầu tư độc lập, đơn dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự thầu phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh được xác định theo quy định tại Mục 11 CDNĐT.

(6) Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền về việc chữ ký trong đơn dự thầu và các tài liệu khác trong HSDT là của người đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.

Mẫu số 02

GIẤY UỶ QUYỀN

Hôm nay, ngày ___ tháng ___ năm ___, tại ___

Tôi là___ *[ghi tên, số CMND/CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư]*, là người đại diện theo pháp luật của ___ *[ghi tên nhà đầu tư]* có địa chỉ tại ___ *[ghi địa chỉ của nhà đầu tư]*, bằng văn bản này ủy quyền cho: ___ *[ghi tên, số CMND/CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia đấu thầu dự án ___ *[ghi tên dự án]* do___ *[ghi tên bên mời thầu]* tổ chức:

[Phạm vi ủy quyền gồm một hoặc một số công việc sau:

- *Ký đơn dự thầu;*

- *Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu, văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu;*

- *Ký các văn bản kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư (nếu có);*

- *Các công việc khác [ghi rõ nội dung các công việc (nếu có)].*

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi được ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ___ *[ghi tên nhà đầu tư]*. _____ *[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do_____ *[ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____[(1)]. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau. Người ủy quyền giữ ____ bản. Người được ủy quyền giữ ____ bản. Đính kèm theo bản gốc của hồ sơ dự thầu một (01) bản gốc.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)[(2)]]	*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)[(3)]]*

Ghi chú:

(1) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu.

(2), (3) Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà đầu tư hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền.

Mẫu số 03

THỎA THUẬN LIÊN DANH

(Địa điểm), ngày___ tháng___ năm___

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh: ___ *[Ghi tên từng thành viên liên danh]*

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động:

- Mã số thuế:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Fax:

- Email:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

Giấy ủy quyền số ___ ngày___ tháng ___ năm ___ *(trường hợp được ủy quyền)*.

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia đấu thầu dự án ___ *[ghi tên dự án]*.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến dự án là:___ *[ghi tên của liên danh theo thỏa thuận]*.

Địa chỉ giao dịch của Liên danh:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Người đại diện của Liên danh:

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà đầu tư khác để tham gia đấu thầu dự án.

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện các công việc trong quá trình đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư cho dự án như sau:

1. Các bên nhất trí thỏa thuận cho___ *[ghi tên một thành viên]* là thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh để thực hiện các công việc sau *(có thể điều chỉnh, bổ sung theo thoả thuận của các bên):*

[Thành viên đứng đầu liên danh có thể đại diện cho liên danh để thực hiện một hoặc một số công việc sau:

- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu, văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu;

- Ký các văn bản kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư (nếu có);

- Các công việc khác, trừ việc ký kết hợp đồng (ghi rõ nội dung các công việc, nếu có)].

2. Vai trò, trách nhiệm của các thành viên liên danh [(1)]*[ghi cụ thể vai trò, trách nhiệm của từng thành viên liên danh và ghi tỷ lệ phần trăm góp vốn chủ sở hữu trong liên danh]:*

TT	**Tên thành viên**	**Vai trò tham gia** *[Ghi phần công việc mà thành viên đảm nhận (thu xếp tài chính, xây dựng, quản lý, vận hành,...]*	**Vốn chủ sở hữu**		**Vốn vay nhà đầu tư phải huy động**
			Giá trị	**Tỉ lệ %**	
1	Thành viên 1 *[Đứng đầu liên danh]*			*[tối thiểu 30%]*	
2	Thành viên 2			*[tối thiểu 15%]*	
...					
		Tổng	**....**	**100%**	

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà đầu tư khác để tham gia lựa chọn nhà đầu tư dự án này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

[- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Bồi thường thiệt hại cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định nêu trong hợp đồng;

- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên thỏa thuận cùng chấm dứt;

- Có sự thay đổi thành viên liên danh. Trong trường hợp này, nếu sự thay đổi thành viên liên danh được bên mời thầu chấp thuận thì các bên phải thành lập thỏa thuận liên danh mới;

- Liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu thông báo của bên mời thầu.

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng.

Thỏa thuận liên danh này được lập thành ___ bản gốc, mỗi thành viên liên danh giữ___ bản, nộp kèm theo hồ sơ dự thầu 01 bản gốc. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh [(2)]

[ghi tên đại diện hợp pháp của từng thành viên, chức danh,

ký tên và đóng dấu (nếu có)[(3)]]

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư phải liệt kê vai trò tham gia và tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu của từng thành viên liên danh.

(2) Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh được xác định theo quy định tại Mục 11 CDNĐT.

(3) Trường hợp thành viên liên danh là nhà đầu tư nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền về việc chữ ký trong thỏa thuận liên danh là của người đại diện hợp pháp của thành viên liên danh.

Mẫu số 04

THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm ___

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:

2. Quốc gia nơi đăng ký hoạt động của nhà đầu tư:

3. Năm thành lập công ty:

4. Địa chỉ hợp pháp của nhà đầu tư tại quốc gia đăng ký:

5. Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà đầu tư:

- Tên:

- Địa chỉ:

- Số điện thoại/fax:

- Địa chỉ e-mail:

6. Sơ đồ tổ chức của nhà đầu tư.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này. Nhà đầu tư/liên danh cần nộp kèm theo bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp; đối với nhà đầu tư nước ngoài: có tài liệu chứng minh đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài.

Mẫu số 05[109]

CÁC ĐỐI TÁC CÙNG THỰC HIỆN DỰ ÁN (1)

Thông tin đối tác

TT	Tên đối tác(2)	Quốc gia nơi đăng ký hoạt động	Vai trò tham gia(3)	Người đại diện theo pháp luật	Giá trị tham gia	Hợp đồng với đối tác(4)
1	*Công ty 1*		*[Tổ chức cung cấp tài chính]*			
2	…..					

Đại diện pháp luật của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp có sự tham gia của các đối tác thì kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư ghi cụ thể tên của các đối tác tham gia thực hiện dự án. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của các đối tác thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột "vai trò tham gia". Sau đó, nếu trúng thầu thì khi huy động các đối tác thực hiện công việc đã kê khai thì phải thông báo cho bên mời thầu.

(3) Nhà đầu tư ghi cụ thể vai trò tham gia của từng đối tác.

(4) Nhà đầu tư ghi cụ thể số hợp đồng kèm theo bản chụp được chứng thực tài liệu đó. Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với đối tác phải được ký bởi đại diện hợp pháp của các bên. Đại diện hợp pháp của các bên là người đại diện theo pháp luật của các bên hoặc người được người đại diện theo pháp luật của các bên ủy quyền.

---

[109] Mẫu này đã được thay thế theo quy định tại khoản 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, nay được thay thế theo quy định tại khoản 17 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Mẫu số 06

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ[1]

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:

2. Thông tin về năng lực tài chính của nhà đầu tư/thành viên liên danh[2]:

a) Tóm tắt các số liệu về tài chính [3]:

STT	Nội dung	Giá trị
I	**Vốn chủ sở hữu cam kết sử dụng cho dự án**	
II	**Các số liệu về vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư**	
1	Tổng vốn chủ sở hữu	
2	Chi phí liên quan đến tranh chấp, khiếu kiện (nếu có)	
3	Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện[4] (không gồm vốn đã được giải ngân cho các dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có))	
4	Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định	

b) Tài liệu đính kèm[5]

- Báo cáo tài chính hoặc báo cáo đối với các khoản, mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán thực hiện trong năm; trường hợp không có báo cáo tài chính hoặc báo cáo đối với các khoản, mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán thực hiện trong năm thì nộp báo cáo tài chính hoặc báo cáo đối với khoản, mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán của năm liền trước theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về kiểm toán, pháp luật về kế toán.

- Đối với doanh nghiệp thành lập và hoạt động chưa đủ 12 tháng thì vốn chủ sở hữu được xác định theo vốn điều lệ đã góp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Trong trường hợp này, phải đính kèm tài liệu chứng minh vốn điều lệ của doanh nghiệp.

- Các báo cáo do nhà đầu tư cung cấp phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về tài chính, kế toán, phản ánh tình hình tài chính riêng của nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà đầu tư liên danh) mà không phải tình hình

tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh.

- Danh sách dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác trong trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có).

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các số liệu, tài liệu cung cấp liên quan đến vốn chủ sở hữu, phân bổ vốn chủ sở hữu cho các dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có). Trường hợp phát hiện thông tin kê khai là không chính xác, làm sai lệch kết quả đánh giá thì sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và bị loại.

(3) Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá, bên mời thầu, tổ chuyên gia bổ sung các thông tin phù hợp.

(4) Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), nhà đầu tư lập danh sách dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm tổng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư đáp ứng đủ cho toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

(5) Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá, bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể bổ sung các tài liệu nhà đầu tư phải nộp để chứng minh năng lực tài chính (ví dụ như: biên bản kiểm tra quyết toán thuế, tờ khai tự quyết toán thuế; tài liệu chứng minh việc nhà đầu tư đã kê khai quyết toán thuế điện tử; văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế;…).

Mẫu số 07

CAM KẾT NGUỒN CUNG CẤP TÀI CHÍNH, TÍN DỤNG CHO NHÀ ĐẦU TƯ

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm ___

1. Tôi là ___ *[ghi tên]*, ___ *[ghi chức vụ]*, là đại diện hợp pháp của ___ *[ghi tên nhà đầu tư/tên liên danh nhà đầu tư]*, xác nhận và cam kết rằng những thông tin được cung cấp trong văn bản này là đúng sự thật và các tài liệu kèm theo là bản sao chính xác với tài liệu gốc.

2. Các nguồn tài chính, tín dụng sau đây đã được cam kết và sẽ được huy động để thực hiện dự án:

Nguồn tài chính	Giá trị[(1)]
I. Vốn chủ sở hữu cam kết góp vào dự án:	
1.	
2.	
…	
II. Vốn vay nhà đầu tư phải huy động:	
1.	
2.	
…	

3. Tài liệu kèm theo:

- Đối với vốn chủ sở hữu: Văn bản cam kết bảo đảm đủ vốn chủ sở hữu theo phương án tài chính cho dự án của đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ kèm theo các tài liệu chứng minh về thẩm quyền ký cam kết.

- Đối với vốn vay: Văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng, tổ chức tín dụng hoặc bên cho vay khác theo quy định của pháp luật kèm theo các tài liệu chứng minh thẩm quyền của người ký cam kết.

- Tài liệu liên quan khác.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:
(1) Ghi số tiền bằng số, bằng chữ theo đồng tiền dự thầu.

Mẫu số 08

[110] ***(Được bãi bỏ)***

[110] Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 18 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Mẫu số 8a[111]

CAM KẾT TỰ NGUYỆN ỨNG TRƯỚC KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ, NỘP GIÁ TRỊ CỦA TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT(1)

1. Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu của dự án____ *[ghi tên dự án],* chúng tôi, _____ *[ghi tên nhà đầu tư]* cam kết:

[Nội dung cam kết gồm một hoặc các công việc sau:

a) Tự nguyện ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

b) Nộp giá trị của tài sản gắn liền với đất với giá trị _____ [ghi cụ thể giá trị còn lại của tài sản (đối với tài sản bị phá dỡ, hủy bỏ) hoặc giá bán tài sản gắn liền với đất (đối với bán tài sản) trường hợp tại thời điểm lập hồ sơ mời thầu, cấp có thẩm quyền đã xác định cụ thể giá trị của tài sản gắn liền với đất] hoặc [ghi "được cấp có thẩm quyền xác định theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công" trường hợp tại thời điểm lập hồ sơ mời thầu, cấp có thẩm quyền chưa xác định cụ thể giá trị của tài sản gắn liền với đất]].

2. Sau khi trúng thầu, chúng tôi cam kết sẽ nộp đầy đủ giá trị quy định tại Mục 1 nêu trên theo tiến độ, yêu cầu quy định tại hợp đồng dự án với giá trị tương ứng được cấp có thẩm quyền xác định theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Áp dụng Mẫu này nếu dự án đầu tư dự kiến triển khai trên quỹ đất trong trường hợp thu hồi, cần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc trên quỹ đất có tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

---

[111] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 18 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Mẫu số 09

ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT

Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án và tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, HSMT yêu cầu nhà đầu tư chuẩn bị các nội dung, biểu mẫu đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu thuyết minh đính kèm (nếu có) làm cơ sở để đánh giá về phương án đầu tư kinh doanh, gồm các nội dung sau đây:

I. Về kỹ thuật

1. Phương án đầu tư công trình dự án (gồm phạm vi, quy mô, sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, thời gian, tiến độ, phân kỳ đầu tư xây dựng công trình, sơ đồ tổ chức không gian và kiến trúc, cảnh quan đảm bảo đồng bộ với tổng thể công trình);

2. Giải pháp ứng dụng công nghệ, phương án chuyển giao công nghệ (nếu có);

3. Điều kiện kinh doanh, khai thác theo quy định của pháp luật về đầu tư; phương án tổ chức vận hành, kinh doanh;

4. Thuyết minh về sự phù hợp của phương án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (gồm vị trí công trình, tiến độ, sơ đồ tổ chức không gian, phân kỳ đầu tư xây dựng công trình và các thông số kỹ thuật chính) với quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản phê duyệt dự án đầu tư có sử dụng đất đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.

5. Thuyết minh về sự phù hợp của các thông số cơ bản của nhà máy điện đối với từng loại hình nhà máy.

II. Về xã hội

1. Phương án, chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có). Trường hợp dự án có yêu cầu nhà đầu tư ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì hồ sơ mời thầu phải quy định nguyên tắc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai. Nhà đầu tư phải cam kết trong hồ sơ dự thầu việc ứng vốn để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo yêu cầu trong hồ sơ mời thầu của cơ quan có thẩm quyền trên cơ sở phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai;

2. *Phương án sử dụng lao động tại địa phương, đào tạo nguồn nhân lực, phương án mức thu nhập bình quân và tốc độ tăng thu nhập bình quân; phương án tổ chức hoạt động trợ giúp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội hoặc các hoạt động phúc lợi xã hội khác mà nhà đầu tư đóng góp cho địa phương, phù hợp với nhu cầu của địa phương nơi thực hiện dự án;*

III. Về môi trường

Căn cứ yêu cầu tại HSMT, nhà đầu tư đề xuất một hoặc các nội dung sau phù hợp với yêu cầu thực hiện dự án:

1. Thuyết minh về sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ cung cấp với quy định của pháp luật về môi trường; phương án giảm phát sinh chất thải, thúc đẩy sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường;

2. Giải pháp về bảo vệ môi trường, sản xuất sạch, tiết kiệm năng lượng;

3. Phương án sử dụng đất (gồm chỉ tiêu, hệ số sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng), sử dụng tài nguyên; phương án bảo tồn đa dạng sinh học, cải thiện đất, tài nguyên, hệ sinh thái tự nhiên tại khu vực thực hiện dự án.

4. Giải pháp giảm thiểu tác động xấu tới môi trường, công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất được chuyển giao và áp dụng (đối với dự án thuộc nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường).

IV. Về thực hiện dự án

Nhà đầu tư phải đề xuất hình thức quản lý thực hiện dự án (thành lập tổ chức kinh tế để thực hiện dự án hoặc trực tiếp thực hiện dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP) và cam kết triển khai thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định tại Điều 51 và Điều 52 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

Mẫu số 10

BẢO LÃNH DỰ THẦU [(1)]

Bên thụ hưởng:_____*[ghi tên và địa chỉ của bên mời thầu]*

Ngày phát hành bảo lãnh:_____*[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

Bảo lãnh dự thầu số:_____ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh:_____ *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng _____*[ghi tên nhà đầu tư theo đúng đơn dự thầu]* (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham gia đấu thầu dự án _____ *[ghi tên dự án]* theo Thông báo mời thầu số _____ *[ghi số trích yếu của Thông báo mời thầu được đăng tải trên Hệ thống]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng bảo lãnh cho nhà đầu tư tham gia đấu thầu dự án bằng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____[(2)] ngày, kể từ ngày____tháng___ năm___[(3)].

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền với tổng số tiền là___ *[ghi bằng chữ] [ghi bằng số]* khi nhận được văn bản thông báo nhà đầu tư vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ [(4)]:

1. Nhà đầu tư rút hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;

2. Nhà đầu tư vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu [112];

3. Nhà đầu tư được lựa chọn không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 CDNĐT của hồ sơ mời thầu;

4. Nhà đầu tư không tiến hành hoặc từ chối tiến hành đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời gian quy định tại Thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng.

Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 17.5 CDNĐT của

---

[112] Cụm từ "theo quy định tại điểm d Mục 33.1 CDNĐT của hồ sơ mời thầu" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 19 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

hồ sơ mời thầu thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên liên danh sẽ không được hoàn trả(5).

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

(2) Ghi theo quy định tại Mục 17.1 **BDL**.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 21.1 **BDL**.

(4) Trường hợp nội dung thư bảo lãnh liệt kê thiếu một trong các hành vi vi phạm thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu theo quy định tại Mục 17.3 CDNĐT.

(5) Áp dụng trong trường hợp nhà đầu tư liên danh.

Mẫu số 11

[113] ***(Được bãi bỏ)***

[113] Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 20 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Mẫu số 12[114]

ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH

Nhà đầu tư đề xuất cụ thể phương án để thuyết minh hiệu quả đầu tư phát triển ngành điện phù hợp với giá trị đã nêu tại Đơn dự thầu về mức giá điện hoặc giá trị bằng tiền nộp ngân sách nhà nước hằng năm.

[114] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 6 năm 2025.

PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN

Bên mời thầu, tổ chuyên gia căn cứ nội dung quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi (nếu có); văn bản phê duyệt thông tin dự án đầu tư có sử dụng đất đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư để xác định yêu cầu thực hiện dự án, nghĩa vụ tài chính cũng như các trách nhiệm có liên quan khác, gồm:

I. Thông tin về dự án

Bên mời thầu, tổ chuyên gia cập nhật các nội dung có liên quan đến dự án để nhà đầu tư chuẩn bị HSDT bao gồm:

1. Tên dự án; mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư của dự án;

2. Tổng vốn đầu tư của dự án;

- Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án;

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có);

3. Địa điểm thực hiện dự án;

4. Mục đích sử dụng đất; Hiện trạng sử dụng đất;

5. Diện tích khu đất thực hiện dự án;

6. Các chỉ tiêu quy hoạch;

7. Thời hạn, tiến độ thực hiện dự án; sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có); tiến độ thực hiện dự án theo từng giai đoạn (nếu có);

8. Tên bên mời thầu;

9. Hình thức và phương thức lựa chọn nhà đầu tư;

10. Phương án kinh doanh giả định xác định tỷ lệ doanh thu tối thiểu nộp ngân sách nhà nước đối với dự án áp dụng tiêu chuẩn chia sẻ tỷ lệ doanh thu, gồm:

- Giả định dự báo nhu cầu và doanh thu của dự án;

- Giả định về thuế;

- Các chỉ tiêu tài chính: chi phí hoạt động kinh doanh; lợi nhuận trước thuế/sau thuế; thuế thu nhập doanh nghiệp; tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/doanh thu;

- Các giả định cần thiết khác để xây dựng phương án kinh doanh.

11. Các nội dung liên quan khác.

II. Yêu cầu về thực hiện dự án

1. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

a) Yêu cầu về sự phù hợp của phương án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (gồm phạm vi, quy mô, sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, thời gian, tiến độ, phân kỳ đầu tư xây dựng công trình, sơ đồ tổ chức không gian và kiến trúc, cảnh quan đảm bảo đồng bộ với tổng thể công trình) với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch, xây dựng, quản lý ngành, lĩnh vực và pháp luật có liên quan;

b) Yêu cầu về tính khả thi của giải pháp ứng dụng công nghệ do nhà đầu tư đề xuất (nếu có); yêu cầu về chuyển giao công nghệ (nếu có);

c) Yêu cầu về sự phù hợp với điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về điện lực;

d) Yêu cầu về sự phù hợp của phương án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (gồm vị trí công trình, tiến độ, sơ đồ tổ chức không gian, phân kỳ đầu tư xây dựng công trình và các thông số kỹ thuật chính) với quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản phê duyệt dự án đầu tư có sử dụng đất đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.

đ) Yêu cầu về sự phù hợp đối với các thông số cơ bản của nhà máy điện theo từng loại hình nhà máy.

2. Tiêu chuẩn đánh giá về xã hội:

a) Yêu cầu về phương án, chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai (nếu có);

Trường hợp dự án có yêu cầu nhà đầu tư ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì hồ sơ mời thầu phải quy định nguyên tắc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai. Nhà đầu tư phải cam kết trong hồ sơ dự thầu việc ứng vốn để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo yêu cầu trong hồ sơ mời thầu của cơ quan có thẩm quyền trên cơ sở phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Yêu cầu về khả năng đóng góp phúc lợi xã hội cho người lao động tại địa phương thông qua việc sử dụng lao động địa phương, đào tạo nguồn nhân lực, mức thu nhập bình quân và tốc độ tăng thu nhập bình quân; hoạt động trợ giúp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội hoặc các hoạt động phúc lợi xã hội khác mà nhà đầu tư đóng góp cho địa phương, phù hợp với nhu cầu của địa phương nơi thực hiện dự án;

3. Tiêu chuẩn đánh giá về môi trường:

Bên mời thầu, tổ chuyên gia xác định một hoặc các tiêu chí sau đây để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về môi trường trong hồ sơ mời thầu phù hợp với yêu cầu thực hiện dự án:

a) Yêu cầu về sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ cung cấp với quy định của pháp luật về môi trường; ưu tiên giảm phát sinh chất thải, thúc đẩy sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường;

b) Yêu cầu về bảo vệ môi trường, sản xuất sạch, tiết kiệm năng lượng;

c) Yêu cầu về chỉ tiêu sử dụng đất, hệ số sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng; yêu cầu về việc sử dụng tài nguyên theo quy định của pháp luật; khả năng bảo tồn đa dạng sinh học, cải thiện đất, tài nguyên, hệ sinh thái tự nhiên tại khu vực thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

d) Yêu cầu áp dụng giải pháp giảm thiểu tác động xấu tới môi trường, ưu tiên chuyển giao và áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất (đối với dự án thuộc nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường).

III. Yêu cầu về nghĩa vụ tài chính của nhà đầu tư[115]

Nhà đầu tư chịu trách nhiệm bố trí đủ vốn để thực hiện dự án; đồng thời căn cứ đặc điểm, tính chất từng dự án, nhà đầu tư thực hiện yêu cầu về mức giá điện hoặc giá trị bằng tiền nộp ngân sách nhà nước hằng năm.

[115] Mục này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 6 năm 2025.

PHẦN 3. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Trên cơ sở các nội dung hướng dẫn lập hợp đồng dự án đầu tư có sử dụng đất quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 115/2024/NĐ-CP, căn cứ tính chất, quy mô, lĩnh vực dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu, tổ chuyên gia xây dựng dự thảo hợp đồng, biểu mẫu hợp đồng và đính kèm trong HSMT. Dự thảo hợp đồng gồm các điều khoản để làm cơ sở cho các bên đàm phán, hoàn thiện, ký kết và thực hiện hợp đồng, bảo đảm phân chia rõ trách nhiệm, rủi ro, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đầu tư và pháp luật khác có liên quan.

Mẫu số 13[116]

THƯ CHẤP THUẬN HỒ SƠ DỰ THẦU VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

(Địa điểm), ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ *[ghi tên và địa chỉ của nhà đầu tư trúng thầu]* (sau đây gọi tắt là Nhà đầu tư)

Về việc: *Thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng.*

Căn cứ Quyết định số___ ngày___ *[Ghi số, ngày ký quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư]* của ____ *[ghi tên người có thẩm quyền]* (sau đây gọi tắt là Người có thẩm quyền) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án____ *[ghi tên dự án]*, ____ *[ghi tên bên mời thầu] (*sau đây gọi tắt là Bên mời thầu) xin thông báo người có thẩm quyền đã chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng cho Nhà đầu tư để thực hiện dự án ____ *[ghi tên dự án]* với thông tin hợp đồng là ____ *[ghi thông tin mức giá điện hoặc giá trị bằng tiền nộp ngân sách nhà nước hằng năm.]*

với thời gian thực hiện hợp đồng là ____ *[ghi thời gian thực hiện hợp đồng trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư]*.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà đầu tư tiến hành đàm phán, hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Người có thẩm quyền, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____*[ghi thời gian đàm phán, hoàn thiện hợp đồng]*, tại địa điểm ____*[ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng]*, gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

- Thời gian ký kết hợp đồng: ____ [ghi thời gian ký kết hợp đồng]; tại địa điểm ___ [ghi địa điểm ký kết hợp đồng].

Đề nghị Nhà đầu tư thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 14 Phần 3 – Dự thảo hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng của hồ sơ mời thầu với số tiền là ___ và thời gian có hiệu lực là ___ *[ghi số tiền và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 37.1 BDL]*.

Văn bản này là một phần không tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà đầu tư phải có văn bản chấp thuận đến đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó Nhà đầu tư phải cam kết năng lực hiện tại của Nhà đầu tư vẫn đáp ứng yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu. Người có thẩm quyền sẽ từ chối

---

[116] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 13 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 6 năm 2025.

đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà đầu tư trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án.

Nếu đến ngày___ *[ghi ngày cụ thể, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát hành văn bản thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng]* mà Nhà đầu tư không tiến hành đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà đầu tư sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Đại diện hợp pháp của bên mời thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Mẫu số 15

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG[(1)]

(Địa điểm), ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[ghi tên cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng]*

(sau đây gọi tắt là Cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng)

Theo đề nghị của ____ *[ghi tên nhà đầu tư]* là nhà đầu tư được lựa chọn để thực hiện dự án ____ *[ghi tên dự án]* (sau đây gọi tắt là Nhà đầu tư) và cam kết sẽ ký kết hợp đồng để thực hiện dự án nêu trên (sau đây gọi tắt là Hợp đồng); [(2)]

Theo quy định trong hồ sơ mời thầu *(hoặc hợp đồng)*, Nhà đầu tư phải nộp cho Cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện Hợp đồng;

Chúng tôi, ____ *[ghi tên của ngân hàng]* ở ____ *[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ]* có trụ sở đăng ký tại ____ *[ghi địa chỉ của ngân hàng [(3)]]*, xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện Hợp đồng của Nhà đầu tư với số tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 37.1* ***BDL****]*.

Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng một khoản tiền hay các khoản tiền với tổng số tiền là___ *[ghi bằng chữ] [ghi bằng số]* như đã nêu trên, khi có văn bản của Cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng thông báo Nhà đầu tư vi phạm Hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện Hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày _____ cho đến hết ngày ____ .[(4)]

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng.

(2) Nếu ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo cơ quan có thẩm

quyền ký kết hợp đồng xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

"Theo đề nghị của ____ *[ghi tên nhà đầu tư]* là nhà đầu tư trúng thầu dự án ____ *[ghi tên dự án] (*sau đây gọi tắt là Nhà đầu tư) đã ký hợp đồng số ____ *[ghi số hợp đồng]* ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng)."

(3) Địa chỉ ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 37.1 **BDL**.

Phụ lục III[117]

YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC, HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÀNH ĐIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

1. Yêu cầu về năng lực của nhà đầu tư được thực hiện theo Bảng số 01 dưới đây:

Bảng số 01

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Yêu cầu	Ghi chú
1	Vốn chủ sở hữu	Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp(1): _____ *[ghi giá trị vốn chủ sở hữu tối thiểu của nhà đầu tư bằng số và bằng chữ, tối thiểu không thấp hơn 15% tổng vốn đầu tư].*	
2	Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng huy động(2)	Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng huy động tối thiểu là:___ *[Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng huy động bằng số và bằng chữ].*	
3	Các chỉ tiêu tài chính khác (nếu có)		

Ghi chú:

(1) Yêu cầu về vốn chủ sở hữu được xác định trên cơ sở tổng vốn đầu tư (gồm sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có)).

Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào:

- Kết quả báo cáo tài chính hoặc kết quả báo cáo đối với khoản mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán thực hiện trong năm; trường hợp không có kết quả báo cáo tài chính hoặc kết quả báo cáo đối với khoản mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán thực hiện trong năm thì dùng kết quả báo cáo tài chính hoặc kết quả báo cáo đối với khoản mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán

[117] Phụ lục III được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 66/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

của năm liền trước theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về kiểm toán, pháp luật về kế toán;

- Đối với doanh nghiệp thành lập và hoạt động chưa đủ 12 tháng thì vốn chủ sở hữu được xác định theo vốn điều lệ đã góp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), nhà đầu tư kê khai danh sách các dự án đang được đầu tư và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm đáp ứng đủ toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

Tại thời điểm ký kết hợp đồng dự án, nhà đầu tư có trách nhiệm nộp cho cơ quan có thẩm quyền các tài liệu chứng minh năng lực tài chính.

Nhà đầu tư phải kê khai thông tin, cung cấp các tài liệu về năng lực tài chính theo Mẫu số 06 và cung cấp cam kết về việc huy động vốn chủ sở hữu theo Mẫu số 07 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 27/2024/TT-BCT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 32/2025/TT-BCT.

(2) Nhà đầu tư phải cung cấp cam kết huy động vốn vay theo Mẫu số 07 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 27/2024/TT-BCT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 32/2025/TT-BCT. Nhà đầu tư nộp kèm theo văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng đối với phần nghĩa vụ tài chính còn lại (ngoài vốn chủ sở hữu) thuộc trách nhiệm huy động của nhà đầu tư.

2. Yêu cầu về hiệu quả đầu tư phát triển ngành điện

[Bên mời thầu, tổ chuyên gia phải xác định tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả đầu tư phát triển ngành điện, cụ thể như sau:

2.1. Đối với dự án có khung giá phát điện do Bộ Công Thương ban hành, tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả phát triển ngành điện là giá điện được thực hiện như sau:

Giá hợp đồng mua bán điện của nhà máy điện được xây dựng trên cơ sở các thành phần chi phí tương ứng với thành phần chi phí tính toán khung giá phát điện.

Nhà đầu tư trúng thầu đàm phán giá điện, hợp đồng mua bán điện với Bên mua điện trên cơ sở những nội dung quy định về phương pháp xác định giá dịch vụ phát điện do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành

2.2. Đối với dự án không có khung giá do Bộ Công Thương ban hành (bao gồm: dự án nhà máy điện năng lượng tái tạo nhỏ áp dụng giá điện theo biểu giá chi phí tránh được; dự án nhà máy điện áp dụng cơ chế giá mua điện tại các văn bản của cấp có thẩm quyền), thực hiện như sau:

a) Tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả phát triển ngành điện là giá trị tối

thiểu bằng tiền nộp ngân sách nhà nước hằng năm. Nhà đầu tư đề xuất giá trị này không thấp hơn mức tối thiểu theo yêu cầu của bên mời thầu;

b) Giá trị quy định tại điểm a khoản này độc lập với nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Việc nộp vào ngân sách nhà nước giá trị quy định tại điểm a khoản này được thực hiện như sau: giá trị bằng tiền nộp ngân sách nhà nước hằng năm được xác định căn cứ giá trị do nhà đầu tư đề xuất tại hồ sơ đề xuất; hình thức, tiến độ và thời hạn nộp giá trị quy định tại điểm a khoản này được quy định cụ thể tại hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh].